





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



"Năm 2020, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu vinh dự là một trong 124 doanh nghiệp đạt được danh hiệu Thương hiệu quốc gia Việt Nam đối với nhãn hiệu HappyFood. Điều đó đã khẳng định vị thế của Công ty trong mắt người tiêu dùng, giá trị thương hiệu Công ty ngày càng tăng cao và tạo ra bước tăng trưởng đột phá cho Công ty trong giai đoạn mới."

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu!

Năm 2020 – một năm chứng kiến nhiều biến động của nền kinh tế chính trị xã hội toàn cầu. Diễn biến phức tạp của dịch bệnh đã khiến các nền kinh tế lớn nhất như Mỹ, EU, Nhật Bản,…đều suy giảm rõ nét. Tuy vậy, nền kinh tế Việt Nam đã chứng tỏ được "sức sống dẻo dai" với tăng trưởng GDP 9 tháng năm 2020 đạt 2,02%, theo Quỹ tiền tệ Quốc tế IMF, năm 2020, Việt Nam là một trong 4 nền kinh tế trên thế giới có sự tăng trưởng GDP bình quân trên đầu người.

Trong bối cảnh thị trường thách thức, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã vượt qua khó khăn và ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2020 với doanh số và lợi nhuận đáng khích lệ. Doanh thu thuần đạt 1.071 tỷ đồng, hoàn thành 97,38% so với kế hoạch năm, giảm 3,56% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế đạt 23,71 tỷ đồng, giảm 24,37%. Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu đạt mức 279,6 tỷ đồng, tăng hơn 0,84% so với năm trước.

Năm 2020, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu vinh dự là một trong 124 doanh nghiệp đạt được danh hiệu Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Điều đó đã khẳng định vị thế của Công ty trong mắt người tiêu dùng, giá trị thương hiệu Công ty ngày càng tăng cao và tạo ra bước tăng trưởng đột phá cho Công ty trong giai đoạn mới.

Bước sang năm tài chính 2021, giai đoạn nền kinh tế được kì vọng phục hồi và bứt phá. Các Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP có hiệu lực sẽ mang đến những cơ hội lớn cho thị trường xuất khẩu Việt Nam. Tận dụng cơ hội trên, Công ty tiếp tục xây dựng, mở rộng mối liên kết với vùng nuôi trồng theo hướng công nghệ cao, xây dựng chuỗi liên kết nhằm chủ động kiểm soát được nguồn nguyên liệu đầu vào; gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, từng bước hoàn thành mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam; mở rộng quy mô bằng việc xây dựng Nhà máy sản xuất và nâng cao đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên đã luôn dành sự tin tưởng và hết mình đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Chúng tôi tin rằng với sự quyết tâm mạnh mẽ, trên dưới một lòng của toàn thể công ty, cùng những chiến lược đúng đắn, Công ty sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và hoàn thành những mục tiêu đã đề ra.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Phạm Thị Minh Nguyệt

MỤC LỤC

8

Chương I
Thông tin chung
Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
Định hướng phát triển
Rủi ro



88

Chương IV
Báo cáo của Hội đồng quản trị
Các mặt hoạt động của Công ty
Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng trong tương lai

36

Chương II
Tình hình hoạt động kinh doanh
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



94

Chương V
Quản trị Công ty
Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

78

Chương III
Báo cáo của Ban Giám đốc
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



104

Chương VI
Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- CTCP: Công ty Cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- TGĐ: Tổng Giám đốc
- TV: Thành viên
- GTGT: Giá trị gia tăng
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- CBNV: Cán bộ nhân viên
- CNSX: Công nhân sản xuất
- TP. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- KCN: Khu Công nghiệp
- EVFTA: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
- CPTPP: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
- VASEP: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản
- EHP: Vi bào tử trùng Enterocytozoon Hepatopenaei
- HĐKD: Hoạt động kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- VCSH: Vốn chủ sỡ hữu
- DTT: Doanh thu thuần
- LNG: Lợi nhuận gộp
- LNST: Lợi nhuận sau thuế
- R&D: Nghiên cứu và Phát triển
- M&A: Mua bán và sáp nhập

I.
THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Tên Tiếng Anh:
Hung Hau Agricultural Corporation

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
số 0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 23 vào ngày 14/08/2020

VỐN ĐIỀU LỆ

221.560.600.000
ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU

221.560.600.000
ĐỒNG

THÔNG TIN LIÊN HỆ

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: (028) 3974 1135- (028) 3974 1136
Số Fax: (028) 3974 1280
Website: www.agri.hunghau.vn
Mã cổ phiếu: SJ1

Tầm nhìn

Là doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai. Để luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty không ngừng đổi mới hệ thống quản trị và kiện toàn đội ngũ nhân sự.







Giá trị cốt lõi

Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai. Đây chính là giá trị nền tảng giúp Công ty luôn được cổ đông tin tưởng, đối tác tín nhiệm và người lao động gắn bó lâu dài.

Sứ mệnh

Công ty cung ứng cho thị trường các sản phẩm mang tính đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại; luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và khách hàng; chú trọng chăm lo đời sống cho người lao động và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1988

CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu có tiền thân là Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay Factory No.1 được thành lập, là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu Thủy sản.

2000

Xí nghiệp Mặt Hàng Mới được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy Sản số 1 (tên giao dịch: SEAJOCO VIETNAM) với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

2006

Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SJ1.

2007

- Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lần đầu tiên lên 35 tỷ đồng, đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình tăng quy mô, mở rộng hướng đầu tư để giúp Công ty phát triển bền vững hơn.

- Xây dựng Nhà máy Thủy sản số 1 – Khu công nghiệp Tân Phú Trung.

2009

Cổ phiếu SJ1 chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để phù hợp với quy định của Nhà nước.

2012

Công ty thực hiện chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 38,5 tỷ đồng.

2014

Công ty tăng vốn điều lệ lên 55,8 tỷ đồng bằng việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2015

- Ngày 01/06/2015: Đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1 thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

- Ngày 28/08/2015: Đổi tên miền website của Công ty từ www.seajoco.vn sang www.agri.hunghau.vn

- Tăng vốn điều lệ lên 77,5 tỷ đồng thông qua 3 đợt phát hành. Đợt 1 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt 2 và đợt 3 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và theo chương trình phát hành cho người lao động.

2016

- Tăng vốn điều lệ lên 104,6 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu, tổng giá trị vốn góp là 42,3 tỷ đồng, chiếm 65% vốn điều lệ.

2017

Tăng vốn điều lệ lên 187,8 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2018

Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 199,1 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2019

- Tăng vốn điều lệ lên 211,01 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Thành lập nhà máy Thủy sản Sa Đéc Đồng Tháp (HAF).

- Thành lập văn phòng đại diện CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.

2020

Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 221,5 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh:

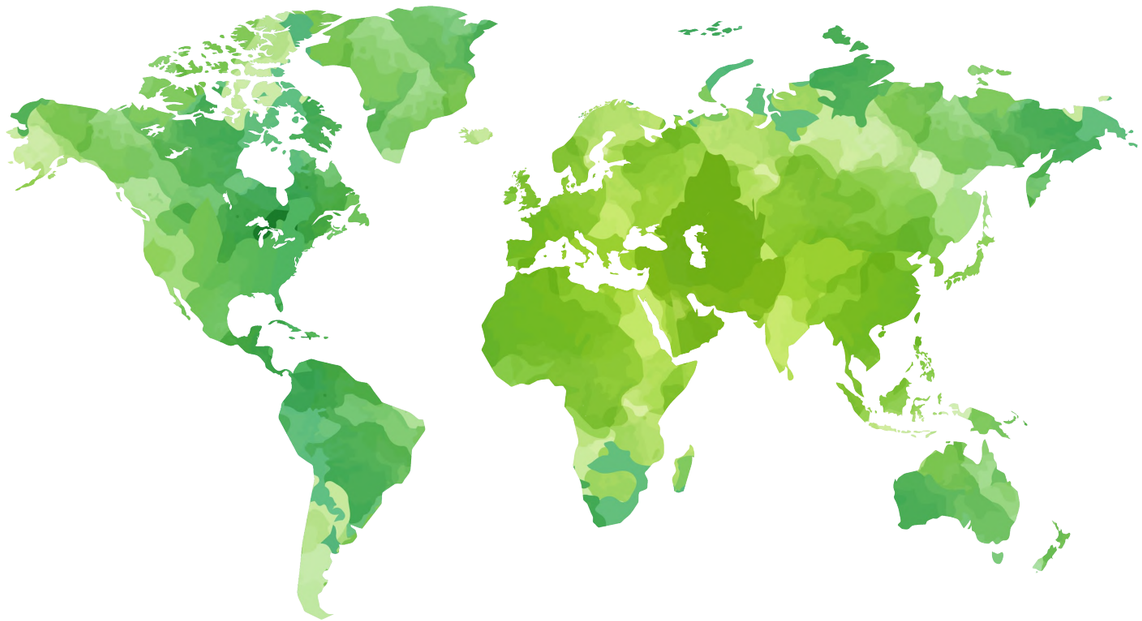
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp;
- Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).







Địa bàn kinh doanh:



Hiện nay, sản phẩm của Công ty đã có mặt hầu hết tại các thị trường trong và ngoài nước, với hàng loạt các sản phẩm đáp ứng từ nhu cầu người tiêu dùng năng động đến người tiêu dùng có yêu cầu khó tính nhất về chất lượng và dinh dưỡng sản phẩm. Có thể kể đến các thị trường xuất khẩu hàng đầu là Châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan,...), Nhật Bản, Úc, các tiểu vương quốc Ả rập...



CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 22000, tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu BRC, HALAL trên cơ sở áp dụng HACCP, ISSOP-GMP. Công ty được phép xuất khẩu sản phẩm vào thị trường Châu Âu với mã code DL01 và DL157.

Chứng nhận ISO 22000:2005:

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống an toàn thực phẩm do Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 34 ban hành.

Chứng nhận HALAL:

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.



Chứng nhận BRC (British Retail Consortium):

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu.

Chứng nhận HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point):

Hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy hiểm trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm.

Chứng nhận ASC (Aquaculture Stewaship Council):

Chứng nhận của Hội Đồng Quản Lý Nuôi Trồng Thủy Sản.



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Năm 1992 - 1998

- Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.
- Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.

Năm 2002 - 2008

- Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà".
- Huy chương vàng Hội chợ Vietfish năm 2004, 2005, 2007.

Năm 2006

- Cúp vàng thương hiệu hội nhập.
- Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động" 10 năm (1996 – 2006).

Năm 2003 - 2012

- Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.

Năm 2013

- Nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

Năm 2014

- Nhận bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao và Cờ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể.

Năm 2015

- Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015.
- Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty.

Năm 2016

- Ngày 29/7/2016, Công ty được vinh danh trong TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016 tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức.
- Ngày 05/9/2016, Công ty được nhận giải: "AEC Priority Intergration Sector Execellence Awards" của Asean Business Advisory Council.
- Ngày 06/12/2016, Công ty vinh dự nhận được danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015".

Năm 2018

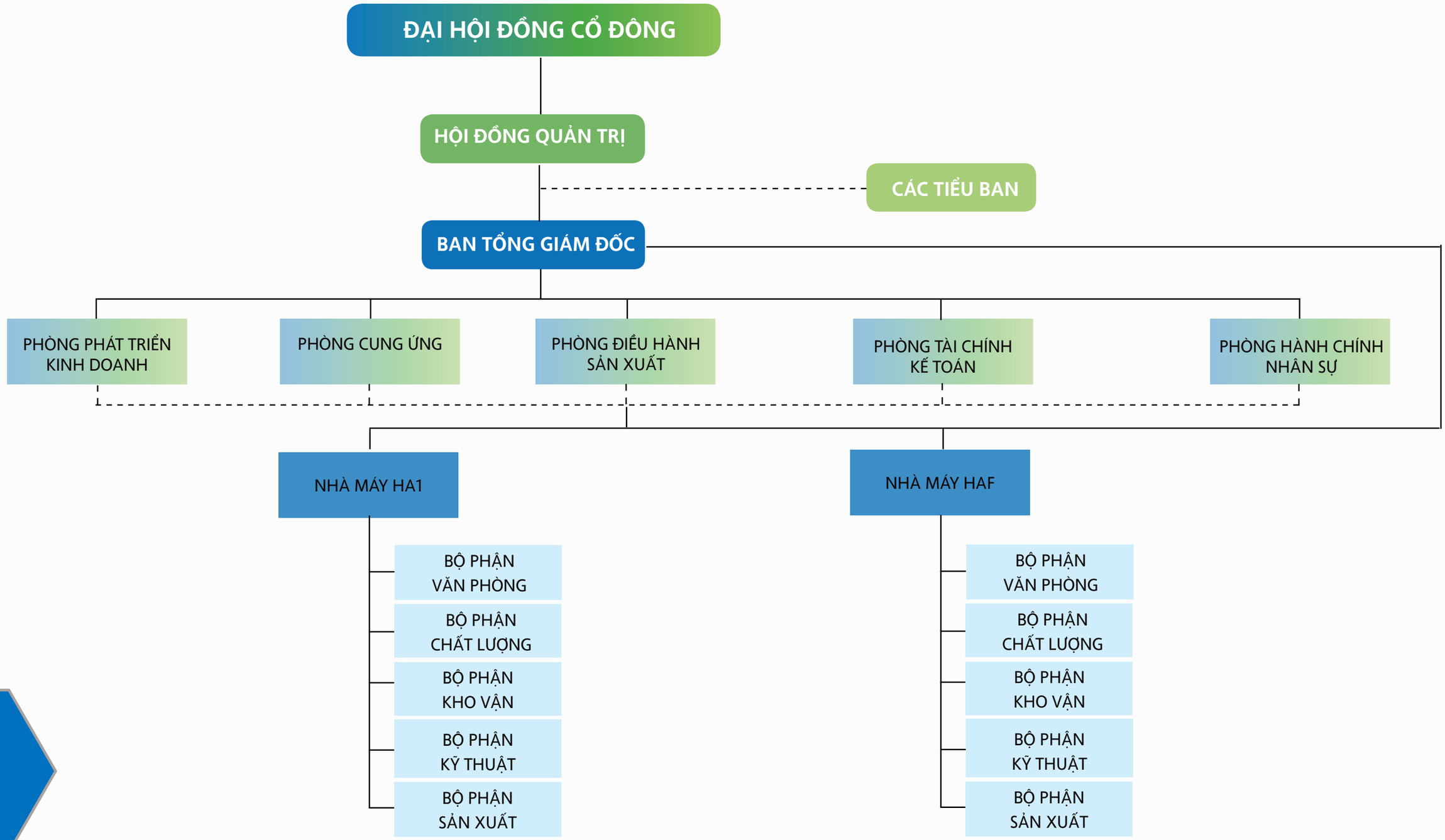
- Ngày 01/12/2018 Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập".

Năm 2020

- Tháng 02/2020 và tháng 06/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn.
- Ngày 01/07/2020, Công đoàn Cơ sở Công ty được Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trao tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, giai đoạn 2015 – 2020.
- Ngày 12/08/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn (ngành hàng Thực phẩm).
- Tháng 11/2020: CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu vinh dự là một trong 124 doanh nghiệp đạt danh hiệu Thương hiệu quốc gia năm 2020.

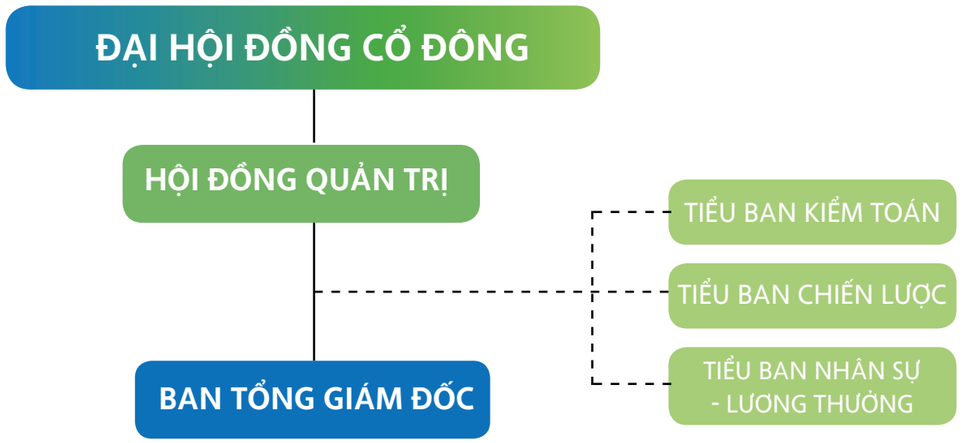
CƠ CẤU
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ







CƠ CẤU
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



Mô hình quản trị Công ty

Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó là các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm:

- Tiểu ban Kiểm toán
- Tiểu ban Chiến lược
- Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng.

Mô hình quản trị Công ty

Công ty hoạt động với loại hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

Công ty con: Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu

Địa chỉ: Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản…

Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng

Tỷ lệ có quyền biểu quyết: 65%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

"Chất lượng sản phẩm" được xem là tiêu chí hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu. Do đó, Công ty không ngừng nỗ lực phấn đấu, áp dụng các phương pháp kỹ thuật chặt chẽ từ khâu sản xuất, chế biến đến đóng gói thành phẩm, nhằm cung cấp đến tay người tiêu dùng những sản phẩm an toàn, chất lượng và mang lại giá trị dinh dưỡng cao nhất.

Hoạt động kinh doanh nội địa

Những năm gần đây, thị trường thủy sản chế biến sẵn trong nước ngày càng sôi động khi người tiêu dùng có xu hướng lựa chọn các sản phẩm tiện lợi và nhanh chóng. Để đáp ứng nhu cầu này, Công ty đã tích cực nghiên cứu và cho ra đời các sản phẩm mới thuộc dòng thương hiệu HappyFood, đảm bảo sự tươi ngon, chất lượng, hợp khẩu vị người tiêu dùng Việt.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường các hoạt động quảng bá sản phẩm trên phương tiện truyền thông đại chúng; đẩy mạnh tiếp thị tại các chuỗi siêu thị, nhà hàng, khách sạn cao cấp trên toàn quốc, nhằm mở rộng đối tượng tiêu dùng, nâng cao giá trị sản phẩm Hùng Hậu.



Hoạt động xuất khẩu

Các mặt hàng thủy sản chế biến của Việt Nam có nhiều lợi thế khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2020. Cụ thể, thuế suất nhập khẩu vào thị trường EU đối với các loại mặt hàng thủy hải sản sẽ giảm dần về mức 0% sau 07 năm. Để tận dụng được cơ hội này, Công ty đã đẩy mạnh việc mở rộng quy mô, đầu tư nâng cấp hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế, từng bước đưa thêm các dự án mới vào hoạt động. Từ đó, gia tăng năng lực sản xuất của Công ty cũng như đóng góp chung vào sự phát triển của ngành trong giai đoạn tới.

Ngoài ra, Công ty định hướng tập trung vào gia tăng tỷ trọng các sản phẩm thủy sản đã qua khâu chế biến, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D) sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của từng thị trường.

Đồng thời để tăng cường nhận diện thương hiệu, logo Hùng Hậu luôn được thể hiện trên các bao bì xuất khẩu đồng thời hoạt động liên kết với các đối tác có hệ thống phân phối lớn cũng được Công ty đẩy mạnh.



Chiến lược kinh doanh

Với tầm nhìn và mục tiêu luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty luôn tập trung đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát triển đa dạng các dòng sản phẩm phù hợp cho từng đối tượng khách hàng thông qua nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn. Công ty không ngừng tìm kiếm, lựa chọn và thu mua nguồn nguyên, phụ liệu trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng, uy tín nhằm mang đến các sản phẩm tươi ngon, giàu dinh dưỡng cho người tiêu dùng. Bởi Công ty tin rằng nguyên liệu đầu vào là cốt lõi, tinh hoa của sản phẩm thành phẩm.

Đồng thời, Công ty cũng thúc đẩy các chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm thông qua các kênh truyền thông điện tử nhằm đưa thương hiệu sản phẩm Hùng Hậu gần hơn đến người tiêu dùng.

Nhân sự

Con người là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì vậy, Công ty luôn đặt ra mục tiêu từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất lẫn tinh thần. Công ty luôn trang bị đầy đủ các trang thiết bị làm việc để đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động. Công tác đào tạo, huấn luyện cũng được tổ chức định kỳ nhằm giúp công nhân nâng cao tay nghề, năng suất làm việc. Hằng năm, các cuộc thi đánh giá năng lực được Công ty tổ chức nhằm điều chỉnh và sắp xếp bậc lương phù hợp, thúc đẩy động lực làm việc của cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động dã ngoại, thi đua phong trào trong sản xuất nhằm giảm bớt áp lực công việc, giúp người lao động tăng sự đoàn kết, khả năng sáng tạo và năng suất làm việc.

Tài chính

Nhằm duy trì sự phát triển ổn định và bền vững, Công ty chú trọng trong việc kiểm soát chi phí hiệu quả, có các chính sách tài chính phù hợp đảm bảo quá trình hoạt động và tái đầu tư. Ngoài ra, thị trường chứng khoán tại Việt Nam ngày càng phát triển khi các quy định, hệ thống vận hành dần hoàn thiện và kiện toàn, đây cũng là một kênh huy động vốn hiệu quả đối với các doanh nghiệp có nhu cầu vốn mạnh mẽ để mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất của chính công ty đó, trong đó có CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Giữ vững và phát huy truyền thống "Uy tín - Chất lượng", Công ty không ngừng nỗ lực đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý, năng lực cán bộ, tay nghề công nhân để trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp thủy sản hàng đầu của Việt Nam.

Tập trung từng bước xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các vùng nuôi trồng công nghiệp áp dụng công nghệ cao để vừa đảm bảo về chất lượng và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào.

Chủ động tham gia vào chuỗi, xây dựng giá trị gia tăng trên từng khâu của chuỗi liên kết (Công ty với Vùng nuôi – Ngân hàng – Nhà máy chế biến thức ăn, con giống...).

Quy hoạch sản xuất tập trung nhằm nâng cao chất lượng và sản lượng các sản phẩm chủ lực.

Nghiên cứu, phân tích, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để tăng hiệu quả hoạt động. Tìm kiếm cơ hội để đầu tư, xây dựng nhà máy mới tại vùng có lợi thế về nguyên liệu, lao động và chính sách.

Tìm kiếm, mở rộng cơ hội liên doanh, liên kết, hợp tác sản xuất, khai thác phát triển mở rộng thị trường.



Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thiết lập định hướng kinh doanh gắn liền với mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng trong kế hoạch trung và dài hạn. Là một công ty chuyên sản xuất chế biến thủy hải sản, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu không chỉ chú trọng về vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Trong quá trình sản xuất và kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến việc phấn đấu đạt các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường. Tất cả các nhà máy của Công ty đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về các đánh giá tác động đối với môi trường.

Bên cạnh đó, nhận thức trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người neo đơn và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở, v.v.... Công ty cũng phối hợp với các đơn vị khác tham gia các hoạt động xã hội như tổ chức vui trung thu, chương trình Ấm áp mùa Giáng sinh cho trẻ em tại các mái ấm tình thương như tổ chức vui trung thu cho trẻ em tại các xã Tân Phú Trung và lớp học tình thương tại Đình Phú Định - Quận 6. Ngoài ra, Công ty còn tích cực vận động toàn thể cán bộ công nhân viên quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt.

Hùng Hậu - Vì chất lượng cuộc sống

CÁC RỦI RO

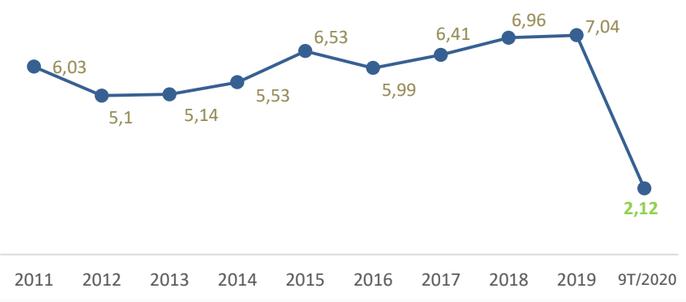
Rủi ro kinh tế

Năm 2020, nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid -19 bùng phát và lây lan nhanh sang nhiều quốc gia. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm 4,4% trong năm, trong đó 03 nền kinh tế lớn nhất bao gồm: Mỹ dự báo giảm 5,9%, Trung Quốc tăng 1,2% và EU giảm 7,5%. Đi ngược lại với xu hướng chung của thế giới, tình hình kinh tế trong nước có phần khả quan hơn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP 09 tháng năm 2020 tăng 2,12%, mặc dù đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, nhưng nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là một điểm sáng khi có sự phục hồi mạnh mẽ trong thời gian vừa qua. Theo báo cáo của IMF, nền kinh tế Việt Nam sẽ đứng thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á, vượt Singapore và Malaysia, đứng sau Thái Lan, Philipines và Indonesia trong năm 2020.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội lẫn thách thức để xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế.

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM

(từ năm 2011 đến năm 2020, đơn vị: % so với cùng kì năm trước)



Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Theo số liệu của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tổng kết 09 tháng năm 2020, xuất khẩu thủy sản đạt 6,04 tỷ USD, giảm 2,9% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường sụt giảm cũng như những khó khăn trong vấn đề vận chuyển khiến các đơn hàng bị hủy hoặc tạm hoãn bởi ảnh hưởng của Covid-19. Về cơ cấu thị trường xuất khẩu, giá trị xuất khẩu sang EU giảm 11% so với cùng kỳ, chỉ đạt 690 triệu USD, thị trường Nhật Bản cũng chứng khiến sự sụt giảm 3,2%, trong khi thị trường Mỹ và Trung Quốc ghi nhận nhịp phục hồi trong quý 3, lần lượt tăng 6% và 2% so với cùng kỳ. Về cơ cấu xuất khẩu theo loài, tôm và cá tra vẫn là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của thủy sản Việt Nam, chiếm gần 60% tổng giá trị xuất khẩu. Lũy kế 09 tháng, xuất khẩu tôm đạt 2,7 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, tổng giá trị xuất khẩu cá tra chỉ đạt 01 tỷ USD, giảm 28,6% so với 09 tháng năm 2019.

Đối với thị trường nội địa, phần lớn các sản phẩm thủy sản của Việt Nam được tiêu thụ chủ yếu tại các kênh siêu thị và dịch vụ thực phẩm, như nhà hàng, khách sạn, khu du lịch,... Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh đã buộc các khu vực này phải đóng cửa, dẫn đến sản lượng tiêu thụ ước tính giảm 30% - 50% trong năm 2020.

Việc dịch bệnh bùng phát và chưa thể hoàn toàn kiểm soát tại thị trường trong nước lẫn các thị trường xuất khẩu trọng điểm, đã đặt ra những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản nói chung và CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng. Do đó, để giảm thiểu rủi ro về thị trường, Công ty tăng cường đa dạng hóa các kênh phân phối và thị tường tiêu thụ, đẩy mạnh kênh bán hàng trực tuyến đồng thời hợp tác với các khách hàng có mạng lưới tiêu thụ lớn. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh và các diễn biến của thị trường luôn được Công ty theo sát, nhằm kịp thời điều chỉnh các chính sách kinh doanh đảm bảo hoàn thành mục tiêu đã đề ra.



CÁC RỦI RO

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, Việt Nam có hơn 600 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản, tuy nhiên, việc đầu tư nhỏ lẻ, dàn trải và không đồng đều khiến chất lượng sản phẩm cũng như mặt bằng giá trên thị trường không ổn định, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, hiện nay một số doanh nghiệp đã hoàn thiện được chuỗi giá trị ngành từ khâu nuôi trồng thủy sản đến khâu chế biến, tiêu thụ làm gia tăng sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp chưa có vùng nuôi nói chung và CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng về cả giá bán lẫn khả năng kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào.

Mặt khác, ngành thủy sản Việt Nam cũng phải chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu thủy sản như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia...với ưu thế về quy mô, chất lượng và giá thành sản xuất. Giá thành nguyên liệu của Việt Nam được đánh giá cao hơn từ 10-20% so với Ấn Độ, Thái Lan, khiến cho giá bán xuất khẩu khó cạnh tranh với các thị trường này. Thêm một thực tế là xuất khẩu thủy sản của Việt Nam chủ yếu dưới dạng sơ chế đông lạnh, chưa chế biến sâu để nâng cao giá trị xuất khẩu. Về cơ cấu sản phẩm, sản phẩm đông lạnh chiếm chủ yếu với 80%, sản phẩm khô chỉ chiếm 7%, sản phẩm dạng mắm là 5%, sản phẩm khác 8%; tính chung, tỷ lệ sản phẩm gia tăng trung bình đạt khoảng 30% tùy loại thủy sản.



Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2020, tỷ giá USD/VND có nhiều biến động, cụ thể, diễn biến tỷ giá USD trong nước từ cuối năm 2019 đến đầu 2020 tương đối ổn định và dao động ở mức 0,2 – 0,3%; đến giai đoạn giữa tháng 3 đến đầu tháng 4, tỷ giá USD tăng khá mạnh khoảng 1,86% do nhu cầu USD tăng mạnh trước biến động của thị trường tài chính toàn cầu; từ giữa tháng 4 cho đến nay, tỷ giá có xu hướng hạ nhiệt, ổn định trở lại và dao động quanh mức 23.175 đồng.

Đối với CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu, doanh thu từ mảng xuất khẩu chiếm khoảng 30% trên tổng doanh thu và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, do đó việc biến động tỷ giá hối đoái là một vấn đề mà Công ty luôn quan tâm. Để hạn chế ảnh hưởng của biến đổi tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình tỷ giá và tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thanh toán đối với các kế hoạch xuất nhập khẩu phù hợp

Rủi ro pháp lý

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty cổ phần và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở và các quy định khác có liên quan.

Là doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang các thị trường như Nhật Bản, Mỹ, EU và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của công ty cũng chịu ảnh hưởng của các chính sách, pháp luật và các quy định do chính phủ của các quốc gia này ban hành, điển hình như các quy định về truy xuất nguồn gốc, an toàn vệ sinh thực phẩm tại thị trường châu Âu, Nhật Bản,...

Để hạn chế rủi ro pháp lý, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản, quy định mới. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên theo dõi diễn biến các chính sách thương mại nhằm định hướng chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp, tận dụng được các cơ hội mà chính sách mang lại. Điển hình như Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 sẽ kéo thuế suất nhập khẩu thủy sản vào thị trường EU về mức 0% sau 07 năm, sẽ là một lợi thế cho Công ty để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

Rủi ro khác

Hoạt động trong lĩnh vực thu mua, sản xuất và chế biến thủy hải sản, nông sản, Công ty phải đối diện với các rủi ro có liên quan như: biến đổi khí hậu, thiên tai,...Trong những năm gần đây, thời tiết thay đổi thất thường, bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra thường xuyên và một số dịch bệnh do vi bào tử trùng (EHP) hay bệnh phấn trắng tôm bùng phát gây thiệt hại lớn về nguồn nguyên liệu, cũng như chất lượng khai thác được. Do đó, Công ty luôn tìm kiếm và hợp tác với các nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo sự ổn định và chất lượng của nguồn cung thủy sản đầu vào cho hoạt động sản xuất và chế biến của Công ty.

II.
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

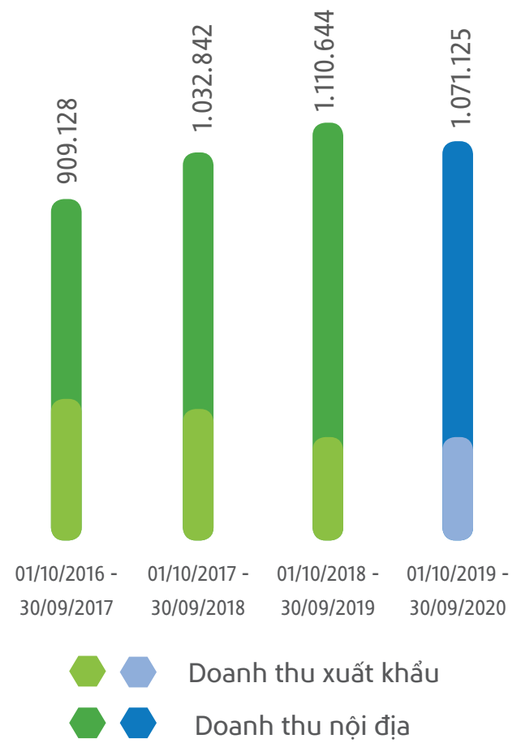
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2019	TH năm 2020	% tăng/giảm
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.110.644	1.071.125	(3,56%)
2	Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	95.932	101.245	5,54%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.059	23.058	(25,76%)
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.356	23.714	(24,37%)
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.120	18.695	(25,58%)

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại các thị trường sụt giảm nhanh chóng. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), các đơn đặt hàng có xu hướng giảm từ 35% đến 50% trong giai đoạn dịch bệnh diễn ra. Trong bối cảnh hết sức khó khăn đó, kết quả kinh doanh năm 2020 thể hiện sự nỗ lực rất lớn của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu, khi quy mô doanh thu đạt được tương đương so với cùng kỳ, đạt 1.071 tỷ đồng, giảm 3,56%. Về tình hình lợi nhuận, lợi nhuận gộp Công ty tăng 5,54% so với cùng kỳ năm 2019 nhờ vào việc chí phí giá vốn được Công ty kiểm soát tốt trong kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế có mức sụt giảm đáng kể đạt 18,69 tỷ giảm 25,58%, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, quảng bá sản phẩm nhằm mở rộng thị trường, kích cầu tiêu dùng khiến chi phí bán hàng trong năm tăng mạnh.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng







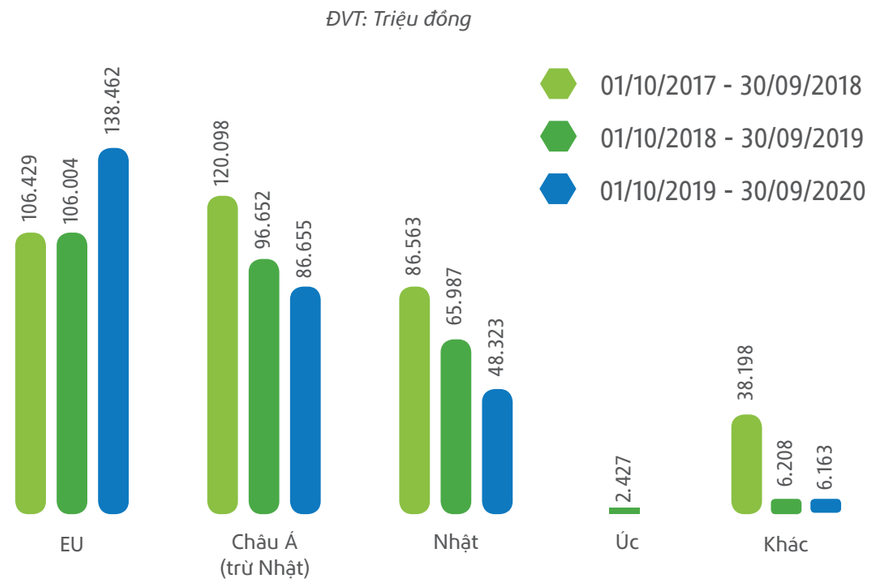
TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu theo khu vực

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	01/10/2017 - 30/09/2018		01/10/2018 - 30/09/2019		01/10/2019 - 30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ bán hàng nội địa	**681.554**	**65,99%**	**833.366**	**75,03%**	**791.522**	**73,90%**
Doanh thu từ xuất khẩu	**351.288**	**34,01%**	**277.278**	**24,97%**	**279.603**	**26,10%**
- EU	106.429	10,30%	106.004	9,54%	138.462	13,02%
- Nhật	86.563	8,38%	65.987	5,94%	48.323	4,54%
-Úc	-	0,00%	2.427	0,22%	-	0,00%
- Châu Á (trừ Nhật)	120.098	11,63%	96.652	8,70%	86.655	8,15%
- Khác	38.198	3,70%	6.208	0,56%	6.163	0,58%
Tổng cộng	**1.032.842**	**100%**	**1.110.644**	**100%**	**1.071.125**	**100%**

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



Đối với thị trường xuất khẩu, theo Tổng cục thống kê, kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong 09 tháng đầu năm đạt 6,04 tỷ USD, giảm 4,7% so với cùng kì năm 2019. Ngoài thị trường Mỹ và Trung Quốc có mức phục hồi tích cực, các thị trường xuất khẩu thủy sản chủ lực khác như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản,... đều sụt giảm. Trái với xu hướng chung, giá trị xuất khẩu sang EU của Công ty trong kì tăng 30,62% so với năm trước, chiếm 13,02% tổng doanh thu và là thị trường xuất khẩu chính của Hùng Hậu trong các năm gần đây. Đạt được điều này là nhờ vào trong năm Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ thân thiết với các khách hàng truyền thống và mở rộng thị trường tiêu thụ mới ở các nước: Belarus, Romania, Ukraine, Cyprus... Đối với thị trường Châu Á, đi cùng xu hướng chung của ngành, giá trị tiêu thụ giảm 10,34% so với năm 2019, tương ứng đạt 86,65 tỷ đồng, chiếm 8,15% tổng doanh thu.

Tại thị trường trong nước, Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững để hạn chế tác động từ ngành. Theo đó, Công ty mở rộng sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng (GTGT) thông qua việc đẩy mạnh sản lượng dựa vào ưu thế vùng miền tại hai nhà máy số 1 - HA1 (Tân Phú Trung) và nhà máy số 3 – HAF (Sa Đéc), nhằm giữ biên lợi nhuận Công ty ổn định, từ đó xây dựng quan hệ lâu dài với khách hàng hiện tại cũng như mở rộng tập khách hàng mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh chiến lược tiếp thị sản phẩm tại các chuỗi nhà hàng cao cấp, siêu thị lớn, dẫn đến doanh thu từ bán hàng nội địa năm 2020 đạt 791,52 tỷ đồng, chiếm 73,9% tổng doanh thu của Công ty. Việc mở rộng thị phần tại thị trường nội địa sẽ góp phần tạo dựng uy tín, nâng cao thương hiệu của Công ty trong mắt người dùng Việt.

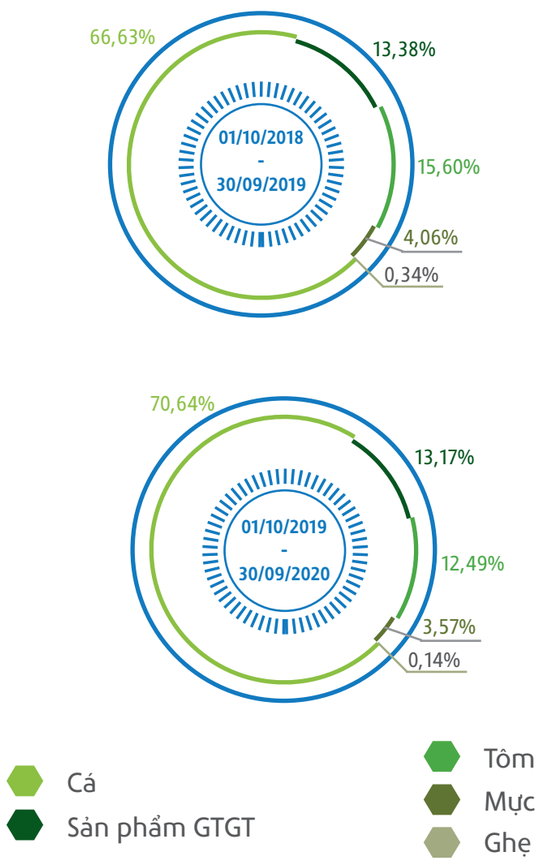


TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu theo nhóm sản phẩm



CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM



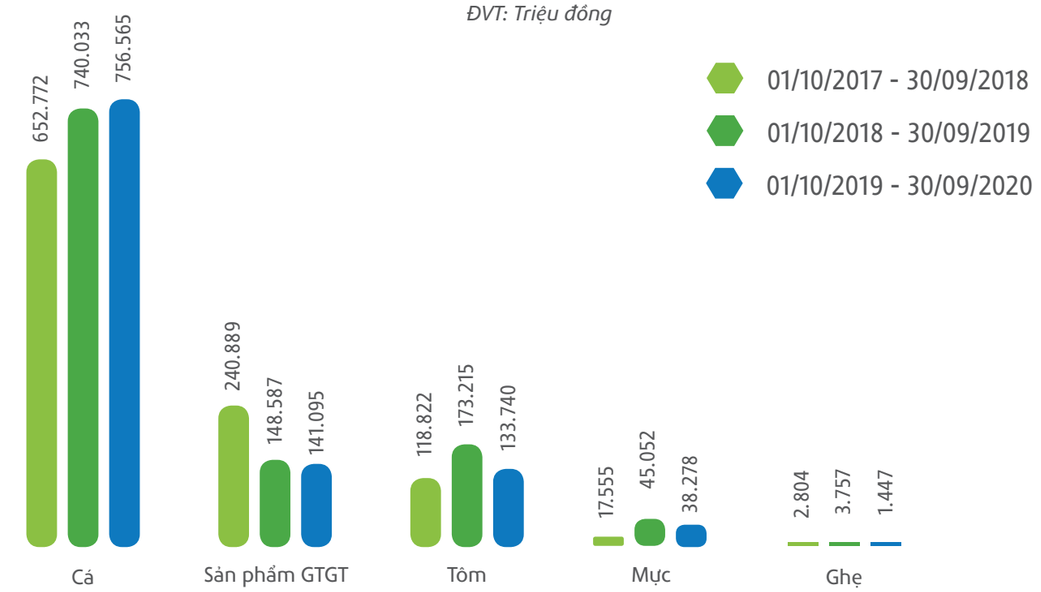
Về cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, Cá vẫn là mặt hàng chủ lực của Công ty, năm 2020 mặt hàng này chiếm tỷ trọng trên 70% doanh thu và có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong khi các mặt hàng khác như: tôm, ghẹ, mực và mặt hàng GTGT trong năm 2020 đều giảm, doanh thu từ cá tra vẫn duy trì mức tăng trưởng 2,23% so với cùng kì, đạt 756,56 tỷ đồng. Đứng vị trí thứ 2 trong cơ cấu doanh thu là các sản phẩm GTGT (bao gồm chả giò, há cảo, sea-jocake, seajocrepe và các sản phẩm từ nông sản), chiếm 13,17%, tương đương 141,05 tỷ đồng doanh thu, giảm 5,07% so với cùng kì. Tiếp đến là các sản phẩm từ tôm giảm khoảng 22,79% so với cùng kì và chiếm 12,49% cơ cấu doanh thu. Các mặt hàng mực, ghẹ chiếm lần lượt là 3,57% và 0,14%.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	01/10/2017 - 30/09/2018		01/10/2018 - 30/09/2019		01/10/2019 - 30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cá	652.772	63,20%	740.033	66,63%	756.565	70,63%
Sản phẩm GTGT	240.889	23,32%	148.587	13,38%	141.095	13,17%
Tôm	118.822	11,50%	173.215	15,60%	133.740	12,49%
Mực	17.555	1,70%	45.052	4,06%	38.278	3,97%
Ghẹ	2.804	0,27%	3.757	0,34%	1.447	0,14%
Tổng cộng	**1.032.842**	**100%**	**1.110.644**	**100%**	**1.071.125**	**100%**

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU THEO SẢN PHẨM

ĐVT: Triệu đồng





TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

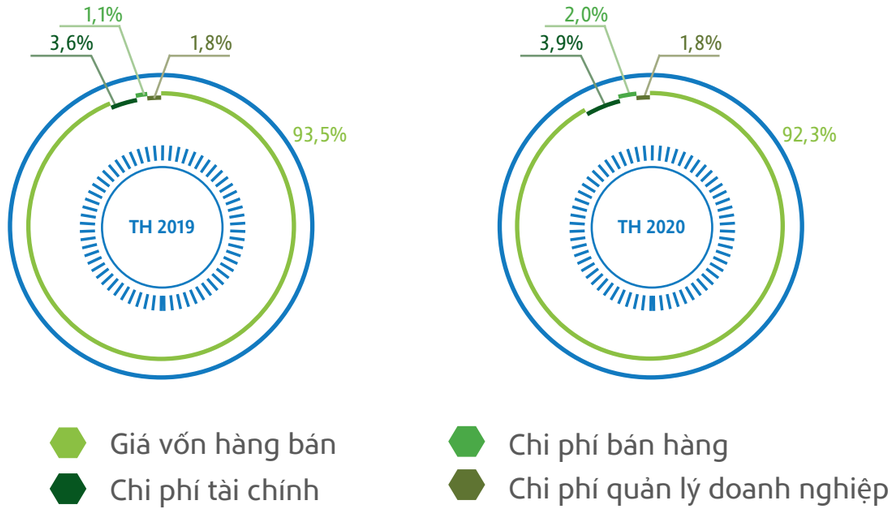
Tình hình Chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH Năm 2019	TH Năm 2020	% tăng/giảm TH 2020/2019
1	Giá vốn hàng bán	1.014.713	969.880	(4,4%)
2	Chi phí tài chính	39.155	41.202	5,7%
3	Chi phí bán hàng	12.429	20.832	67,6%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.191	18.832	0,6%
	Tổng cộng	**1.085.488**	**1.051.420**	**(3,1%)**

Chi phí giá vốn hàng bán của Công ty luôn chiếm tỷ trọng hơn 90% so với doanh thu. Đây cũng là tình trạng chung của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam không có vùng nuôi. Cụ thể, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty là tôm, cá nguyên liệu được thu mua từ các hộ nuôi trồng tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi đó, giá con giống và thức ăn nuôi tại Việt Nam lại cao cũng như tình hình dịch bệnh trên thủy sản kèm điều kiện khí hậu không thuận lợi khiến sản lượng nuôi trồng giảm, dẫn đến giá thành nguyên liệu tăng. Năm 2020, giá nguyên liệu đầu vào các mặt hàng chính của Công ty có nhiều biến động. Theo số liệu của VASEP, cuối quý III/2020 giá cá tra nguyên liệu tăng lên mức 21.800 - 22.500 đồng/kg sau khi giảm mạnh từ vùng đỉnh và đi quanh vùng giá 17.000 - 19.000 đồng từ tháng 6/2019; giá tôm thẻ chân trắng tăng 20.000 đồng/kg so với tháng 8/2020. Tôm thẻ chân trắng nuôi theo mô hình công nghiệp, loại 22 - 25 con/kg giá 160.000 đồng; loại 26-30 con/kg giá; tôm sú loại 20 con/kg giá 180.000 - 190.000 đồng/kg, loại 30 con/kg trên 200.000 đồng/kg. Trong năm, để tận dụng được nguồn nguyên liệu, Công ty đã có các chiến lược thu mua và sản xuất phù hợp, từ đó giá vốn hàng bán giảm 4,4%, tổng chi phí giảm 3,1% so với cùng kì. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu mang đến sản phẩm tốt cho người tiêu dùng, Công ty không ngừng nỗ lực tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng với giá cả hợp lý, Công ty đã liên kết 03 bên (Nhà cung cấp thức ăn thuỷ sản - Công ty - Hộ nuôi thủy sản) từ liên kết này đáp ứng cho Công ty có nguồn đầu vào ổn định. Ngược lại với chi phí giá vốn, chi phí bán hàng trong năm của Công ty tăng mạnh 67,6% so với cùng kì, chiếm 2% trên tổng chi phí hoạt động, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đẩy mạnh chiến lược tiếp thị, quảng bá thương hiệu nhằm mở rộng thị phần.

CƠ CẤU CHI PHÍ

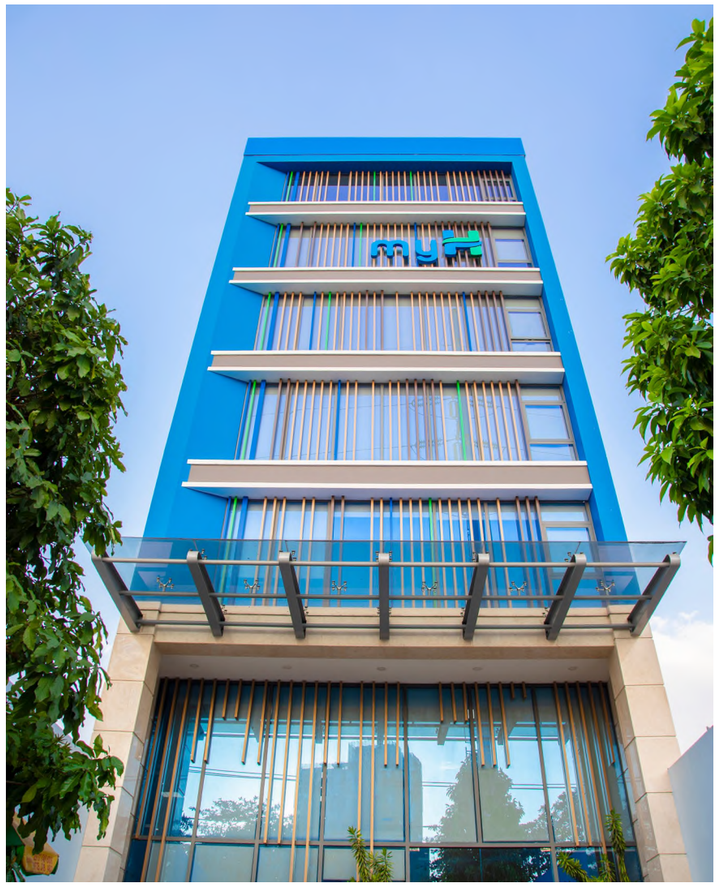




TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Trần Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Thành viên không điều hành
3	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Thành viên độc lập
4	Từ Thanh Phụng	Thành viên	Thành viên điều hành
5	Huỳnh Thanh	Thành viên	Thành viên điều hành





Giới thiệu Hội đồng quản trị



Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành

Bà Phạm Thị Minh Nguyệt

Năm sinh: 17/5/1983
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật học
Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2007: Trợ lý GĐSX Công ty TNHH Tiếp thị ứng dụng Thông Thái
- Từ 2007 đến 2008: Tư vấn pháp lý Công ty TNHH Tư vấn & Quản lý Liên Hiệp Việt
- Từ 2008 đến 2013: Chuyên viên pháp chế Công ty TNHH Phần mềm Đông Nam Á
- Từ 2013 đến 2017:
  + Chuyên viên pháp chế CTCP Phát triển Hùng Hậu
  + Chuyên viên Văn phòng Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu
  + Giảng viên thỉnh giảng tại Trường ĐH Văn Hiến
  + Chánh VP. Ban điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 11/2017 đến 01/5/2019:
  + Phó Tổng GĐ CTCP Giáo dục Hùng Hậu
  + Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến
- Từ 02/5/2019 đến nay: Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 28/12/2019 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:
+ Sở hữu cá nhân: 59.047 cổ phần phổ thông (chiếm 0,27% vốn điều lệ).
+ Đại diện sở hữu: 2.375.936 cổ phần (chiếm 11,26% vốn điều lệ).

Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành



Ông Trần Thanh Hương

Năm sinh: 27/09/1972
Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành Cơ khí ô tô; Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:

- Từ 02/1992 – 09/1995: Công nhân kỹ thuật Công ty Công trình thủy, Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 09/1995 – 04/1999: Học đại học, Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 05/1999 – 12/2001: Nhân viên - Phó phòng - Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng tiêu dùng Bình Tân (Bita's).
- Từ 01/2002 – 12/2005: Trưởng phòng HCNS - Giám đốc HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Toàn Mỹ - Hà Nội.
- Từ 01/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Tổ chức Chính trị - Lao động tiền lương Công ty Viễn thông Quân đội Viettel Mobile.
- Từ 01/2007 – 12/2007: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Đất Quảng (Datkeys).
- Từ 01/2008 – 12/2009: Giám đốc Công ty TNHH Misawa.
- Từ 01/2010 – 03/2013: Giám đốc HCNS Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Bình.
- Từ 04/2013 – 07/2016: Phó Giám đốc HCNS - Giám đốc HCNS CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2016 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.
- Từ 03/2017 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.
- Từ 03/05/2017 – 02/10/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thuỷ sản Số 1).
- Từ 02/10/2017 – 05/09/2019: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thuỷ sản Số 1).
- Từ 30/01/2018 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- Sở hữu cá nhân: 53.797 cổ phần phổ thông (chiếm 0,24% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 1.784.332 cổ phần (chiếm 8,053% vốn điều lệ).

Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT độc lập



Ông Tôn Thất Diên Khoa

Năm sinh: 07/06/1974
Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:

- Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 07/2006 – Nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 03/2008 – Nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.
- 04/2018 - nay: TV HĐQT Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương
- 04/2018 - nay: TV BKS Tổng công ty CP Bảo hiểm Bảo Long
- Từ 12/2019 – Nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên Hội đồng Quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc



Ông Từ Thanh Phụng

Năm sinh: 01/05/1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác:

- Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty CP Thuỷ sản Cửu Long.
- Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 04/2014 – 26/09/2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thuỷ sản số 1).
- Từ 6/2014 – 02/10/2017: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 26/09/2017 – 14/01/2019: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 14/01/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên
Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- Sở hữu cá nhân: 103.487 cổ phần phổ thông (chiếm 0,47% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 1.055.034 cổ phần (chiếm 5% vốn điều lệ).

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc



Bà Huỳnh Thanh

Năm sinh: 11/11/1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Mỹ Anh.
- Từ 2006 – 2012: Quản lý nhóm Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đồng Khởi.
- Từ 2014 – 2018: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thuỷ sản Số 1).
- Từ 2015 – nay: Thành viên HDQT CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thuỷ sản Số 1).
- Từ 12/2019 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 02/2020 - nay: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu; Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

+ Sở hữu cá nhân: 53.797 cổ phần (chiếm 0,24% vốn điều lệ).
+ Đại diện sở hữu: 844.027 cổ phần (chiếm 0,4% vốn điều lệ).

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc
2	Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc
3	Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc
6	Phạm Thị Bích Như	Kế toán trưởng

** Sơ yếu lý lịch (SYLL) của ông Từ Thanh Phụng, Bà Huỳnh Thanh: xem mục SYLL của Hội đồng quản trị*



Giới thiệu Ban Điều hành



Phó Tổng Giám đốc

Ông Tống Văn Tùng

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng

Quá trình công tác:

- Từ 2002 – 2007: Tự kinh doanh.
- Từ 2008 – 2012: Học Đại học tại Trường Đại Học Văn Hiến.
- Từ 2013 – 02/2014: Làm việc tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 03/2014 – 08/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy Sản Số 9.
- Từ 9/2015 – 10/2016: Phó Phòng Chuỗi Cung ứng Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 11/2016 – 04/2017: Giám Đốc Công ty TNHH Nha Mân.
- Từ 05/2017 - nay: Giám Đốc Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 05/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thuỷ sản Số 1).

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

+ Sở hữu cá nhân: 1.297 cổ phần phổ thông (chiếm 0,006% vốn điều lệ)).

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).

Phó Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Thị Phương Như

Năm sinh: 15/03/1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thực phẩm – chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

- **1998-2003:** Học tại trường Đại học Thủy sản Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa.
- **2003-2004:** Nhân viên QC tại Công ty Cổ phần Thủy sản số 1- TPHCM.
- **2005-2011:** Phó phòng Quản lý chất lượng - Công ty Cổ phần Thủy sản số 1- TPHCM.
- **2012-2016:** Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty CP nông Nghiệp Hùng Hậu.
- **2016-2019:** Giám đốc Công ty TNHH THủy sản số 1.
- **2019-2020:** Giám đốc công ty Cổ phần Di sản Mekong.
- **Từ 04/2020 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- Sở hữu cá nhân: 9.091 cổ phần phổ thông (chiếm 0,04% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Văn Dol

Năm sinh: 20/05/1967

Trình độ chuyên môn: 12/12, Chuyên ngành: 25 năm kinh nghiệm nuôi trồng Thủy sản

Quá trình công tác:

- Năm 2014 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Vận chuyển Tấn Phúc
- Năm 2015-2016: Giám đốc Nhân sự - Công ty TNHH Hùng Cá
- Năm 2016 – 2019: Phụ trách Vùng Nuôi – Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 08/05/2020 - Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Kế toán trưởng



Bà Phạm Thị Bích Như

Năm sinh: 14/02/1989

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính

Quá trình công tác:

- Từ 2017-09/2010: Học tập tại Trường Đại Học kinh tế kỹ thuật Bình Dương.
- Từ 10/2010-12/2014: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cá, phụ trách kế toán thu chi, công nợ, ngân hàng, thuế, tổng hợp.
- Từ 12/2014-10/2018: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Bóng Đá Đồng Tháp, phụ trách kế toán thu chi, công nợ, ngân hàng, thuế, Kế toán trưởng.
- Từ 10/2018-01/2019: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu, chuyên viên Ban tài chính kế toán.
- Từ 02/2019 - nay: Kế toán trưởng CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban Điều hành

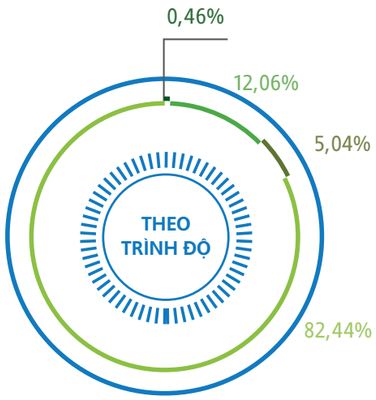
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Hết nhiệm kỳ
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT		28/12/2019
2	Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	28/12/2019	
3	Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT		14/01/2019
4	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT		28/12/2019
5	Trần Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	28/12/2019	
6	Đinh Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT		28/12/2019
7	Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT		28/12/2019
8	Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT		28/12/2019
9	Huỳnh Thanh	Thành viên HĐQT	28/12/2019	
10	Huỳnh Thanh	Trưởng ban BKS		19/01/2019
11	Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng ban BKS		28/12/2019
12	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên BKS		19/01/2019
13	Dư Thiện Minh Trang	Thành viên BKS		28/12/2019
14	Phạm Nguyễn Linh	Thành viên BKS		28/12/2019
15	Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	05/09/2019	
16	Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc		05/09/2019
17	Nguyễn Phương Như	P. Tổng Giám đốc	10/04/2020	
18	Nguyễn Văn Dol	P. Tổng Giám đốc	08/05/2020	
19	Nguyễn Minh Hoàng	Kế toán trưởng		12/02/2019
20	Phạm Thị Bích Như	Kế toán trưởng	12/02/2019	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

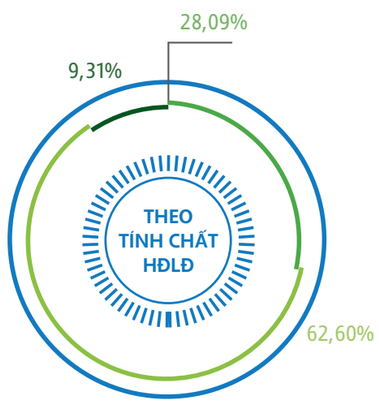
Số lượng cán bộ công nhân viên

Trong năm tài chính 2020, tổng số lượng CBCNV của Công ty là 655 người, cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	655	100%
1	Trên Đại học	3	0,46%
2	Đại học	79	12,06%
3	Cao đẳng	33	5,04%
4	Khác	540	82,44%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	655	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	184	28,09%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	410	62,60%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	61	9,31%



Trên Đại học
Đại học
Cao đẳng
Khác



Hợp đồng có xác định thời hạn
Hợp đồng không xác định thời hạn
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

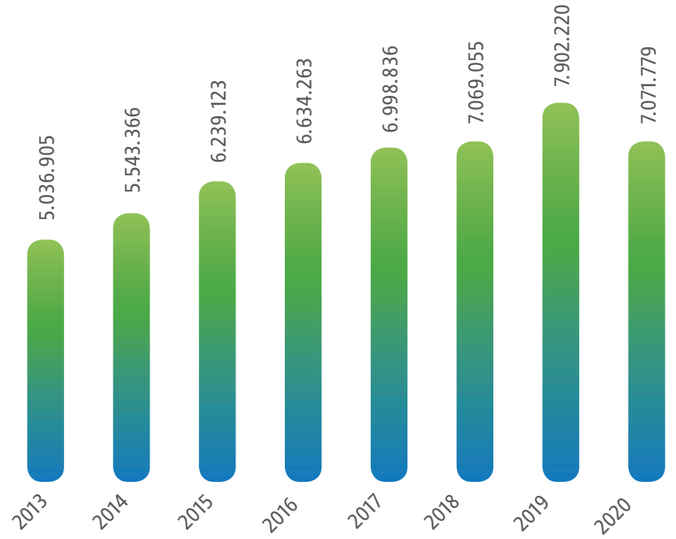


Thu nhập bình quân của người lao động

Năm tài chính năm 2020, mức lương bình quân của người lao động Công ty là 7.071.779 đồng/người/tháng

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng/tháng/người



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách đối với người lao động

Hoạt động đào tạo

Công ty đặc biệt coi trọng công tác đào tạo để phát huy tối đa tiềm năng của nguồn nhân lực.

Trong năm, các hoạt động đào tạo không chỉ hướng đến nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, mà còn mang tới cho CBCNV cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc. Tùy thuộc vào trình độ của từng lao động, yêu cầu của từng phòng ban, các cán bộ công nhân viên sẽ được tổ chức tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, kỹ thuật và các lớp bồi dưỡng kiến thức về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, v.v... phù hợp cho từng đối tượng. Bên cạnh đó, các cấp quản lý được khuyến khích tham gia các khóa học về thuế, lương, chất lượng đầu ra, v.v... để xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kinh doanh hiệu quả của Công ty.

Môi trường làm việc

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Công ty luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện, nơi mà mỗi một người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.



Chính sách thưởng 2019 -2020

Tiếp tục phát huy chính sách lương, thưởng của năm trước đồng thời xem xét điều chỉnh chính sách lương 3P cho CBNV bình quân tăng 15%. Đối với chế độ đãi ngộ, tất cả cán bộ công nhân viên đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể, tổ chức bữa ăn cho cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo "Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm".

- Thưởng bằng 50% tổng số tiền lương 01 tháng (bình quân) nếu hoàn thành 70% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt trên 65% kế hoạch ngân sách.

- Thưởng bằng tổng số tiền lương 01 tháng (bình quân) nếu hoàn thành 85% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt trên 75% kế hoạch ngân sách.

- Thưởng bằng tổng số tiền lương 1,5 tháng lương (bình quân) nếu hoàn thành 95% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt trên 85% kế hoạch ngân sách.

- Thưởng bằng 15% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn 03 tháng lương (bình quân) nếu hoàn thành 100% kế hoạch mục tiêu và hiệu quả tài chính đạt 95% kế hoạch ngân sách.

- Thưởng vượt kế hoạch theo quy chế khen thưởng 7:3 (cho phần vượt) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nếu hoàn thành trên 100% mục tiêu và hiệu quả tài chính vượt trên 100% kế hoạch ngân sách.

Chính sách lương 2019 -2020

Chính sách lương thưởng, chiến lược tiền lương hợp lý là đòn bẩy phát triển nguồn nhân lực của tổ chức, thúc đẩy người lao động làm việc nhiệt huyết, công cụ hiệu quả để ổn định nhân sự, thu hút và giữ chân nhân tài. Hệ thống lương thưởng của Công ty được thực hiện dựa trên cơ sở sau:

>> Đối với khối Gián tiếp hưởng lương 3P

- Lương P1: Lương theo vị trí công việc.

- Lương P2: Theo năng lực và hiệu quả công việc.

- Lương P3: Thưởng kết quả hoàn thành mục tiêu công việc khi Công ty đạt mục tiêu kinh doanh (lợi nhuận), chiếm 5% tổng lương 3P, cụ thể:

- Đạt dưới 70% mục tiêu kinh doanh: Không được hưởng lương P3;

- Đạt từ 70%-80% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 50% lương P3;

- Đạt từ 80%-90% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 75% lương P3;

- Đạt từ 90%-100% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 100% lương P3;

- Đạt trên 100% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 100% lương P3 + Bonus.

>> Đối với khối trực tiếp sản xuất hưởng lương sản phẩm

Hưởng lương trên sản lượng sản xuất được và hưởng theo sản phẩm



“Hùng Hậu - Năng động, Sáng tạo, Tiên phong”



TÌNH HÌNH
ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án trong năm 2020

Đơn vị tính: đồng

STT	Dự án	Giá trị đã hoàn thành
1	Công trình HHA OFFICE	26.861.470.997
2	Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.525.460.514
3	Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh	Giá trị
Góp vốn liên doanh				
	Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bấc	Lô CV-2, khu C, khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	900.000.000 chiếm 30% tỷ lệ biểu quyết
Góp vốn vào đơn vị khác				
1	Công ty CP Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn Cà Mau	Chế biến, bảo quản thúy sán và các sán phẩm từ thủy sán	159.520.000
2	Công ty CP Bao bì Thủy sản	2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy, bìa giấy, bao bì từ giấy và bìa	65.980.000
3	Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	Lô C3-1, đường D2 và đường N7, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp.HCM	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	30.600.000.000 chiếm 17% tỷ lệ biểu quyết
4	Quỹ trái tim Hùng Hậu			500.000.000









Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Công ty	Doanh thu	LNTT	Tổng tài sản	Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	214.478.896	(765.807.135)	20.772.898.339	65.000.000.000

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ số tài chính cơ bản

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/10/2018 - 30/09/2019	01/10/2019 - 30/09/2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	941.988	966.505	2,6%
2	Doanh thu thuần	1.110.644	1.071.125	(3,6%)
3	Lợi nhuận từ HĐKD	31.059	23.058	(25,8%)
4	Lợi nhuận khác	297	656	121,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	31.356	23.714	(24,4%)
6	Lợi nhuận sau thuế	25.120	18.695	(25,6%)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	01/10/2018 - 30/09/2019	01/10/2019 - 30/09/2020	% tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,11	(1,46%)
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,67	(9,14%)
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,52	69,80	0,40%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	228,04	231,07	1,33%
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,13	4,13	(19,47%)
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	3,29	3,12	(5,20%)
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	9,37	9,92	5,94%
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,17	1,12	(4,25%)
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNG/DTT	%	8,64	9,45	9,43%
Hệ số LNST/DTT	%	2,26	1,75	(22,83%)
Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	8,93	6,46	(27,73%)
Hệ số LNST/Tổng TS bình quân (ROA)	%	2,65	1,96	(26,11%)
Hệ số LN HĐKD/DTT	%	2,80	2,15	(23,02%)



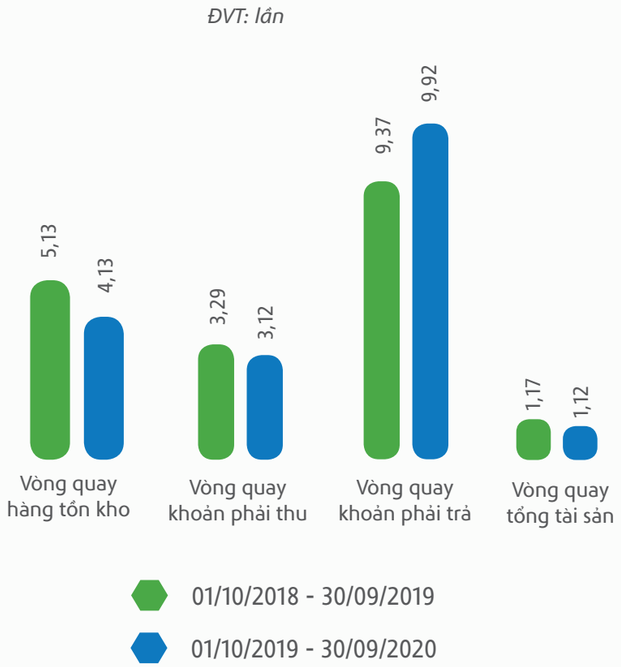
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ số tài chính cơ bản

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2020, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,11 lần, giảm 1,50% so với cùng kỳ năm 2019. Cùng với đó, chỉ tiêu thanh toán nhanh có sự sụt giảm từ mức 0,73 lần năm 2019 về còn 0,67 lần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ lượng thành phẩm tồn kho của Công ty tăng mạnh. Từ cuối năm 2019 đến giữa năm 2020, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn và nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường sụt giảm do ảnh hưởng của Covid – 19, dẫn đến lượng hàng tồn kho bình quân tăng lên. Nhu cầu tiêu thụ cuối năm 2020 và đầu xuân 2021 tại thị trường trong nước cao nên để đáp ứng đủ cho thị trường này, Công ty tăng lượng hàng tồn kho tính đến thời điểm 30/09/2020.



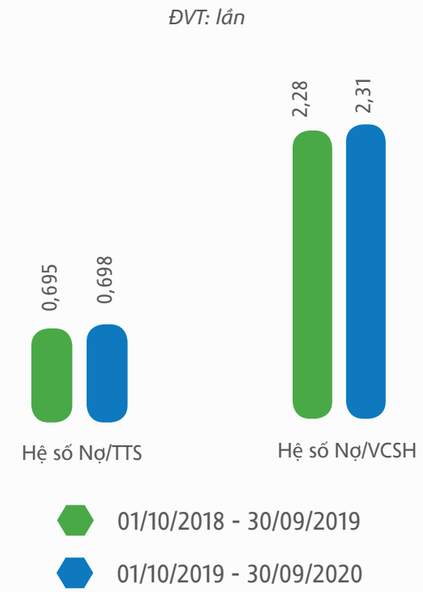


Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động

Về năng lực hoạt động, cùng nguyên nhân khiến lượng hàng tồn kho trong năm tăng mạnh dẫn đến vòng quay hàng tồn kho giảm về mức 4,13 so với mức 5,13 của năm 2019. Trong khi vòng quay khoản phải thu đạt mức 3,12 vòng năm 2020, giảm 5,20% so với cùng kì năm trước thì vòng quay khoản phải trả tăng từ mức 9,37 năm 2019 lên mức 9,92 năm 2020, cho thấy 2020 là một năm thách thức của Hùng Hậu từ cả 2 phía: thị trường tiêu thụ suy giảm và sức ép phải trả nhà cung cấp. Vòng quay tổng tài sản cũng giảm nhẹ về mức 1,12 so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu việc đầu tư nhà máy mới vừa hoàn thành trong quý 2/2020, do đó hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty sẽ được cải thiện khi Nhà máy bắt đầu hoạt động ổn định.

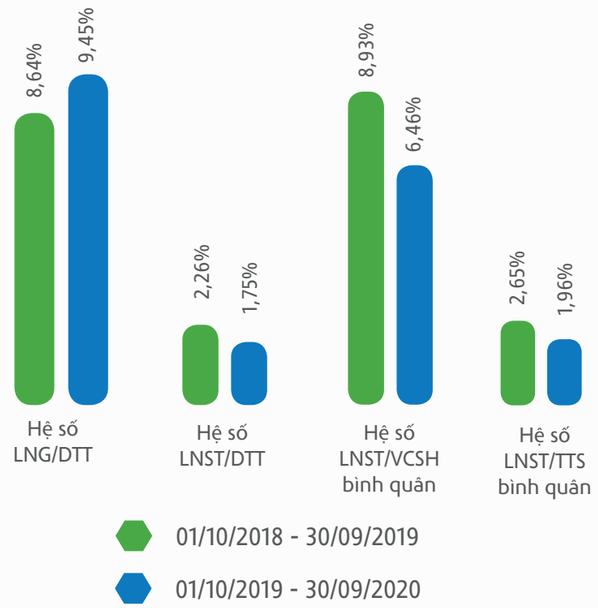
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng lên 39 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty; trong khi đó tình hình kinh tế không có nhiều khả quan, các dự án chưa được triển khai mới nên Tổng tài sản không có nhiều thay đổi trong năm qua. Theo đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty đều tăng nhẹ lần lượt là 0,40% và 1,33% so với cùng kỳ năm 2019, tương đương ở mức 69,80% và 231,07%.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong bối cảnh thị trường chung bị tác động tiêu cực bởi dịch bệnh, nhờ vào chính sách thu mua và quản lý chi phí giá vốn hiệu quả, biên lợi nhuận gộp của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu cải thiện 9,43% so với cùng kì, đạt mức 9,45%.



Tuy nhiên, do chiến lược đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, quảng bá sản phẩm nhằm mở rộng kênh phân phối và thị trường tiêu thụ, khiến chi phí bán hàng trong năm tăng mạnh. Dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt giảm 28,5% và 25,6% là nguyên nhân khiến các chỉ số sinh lời còn lại đều giảm.

Để hạn chế những ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, Công ty chủ động theo sát tình hình vĩ mô, ngành nhằm đưa ra các biện pháp phù hợp, kịp thời cho các chiến lược kinh doanh. Đồng thời, Công ty chủ trương đa dạng hóa thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm giá trị gia tăng nhằm cải thiện biên lợi nhuận.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần

Thông tin cổ phiếu tại thời điểm 30/09/2020:

- Tổng số cổ phiếu phát hành: 22.156.060 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 22.155.050 cổ phiếu
  + Số cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 22.155.050 cổ phiếu
  + Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
II	Cổ đông nội bộ	6.339.845	63.398.450.000	28,61%
II	Cổ đông trong nước	22.112.523	221.125.230.000	99,80%
1	Cá nhân	5.819.579	58.195.790.000	26,27%
2	Tổ chức	16.292.944	162.929.440.000	73,54%
III	Cổ đông nước ngoài	43.537	435.370.000	0,20%
1	Cá nhân	33.530	335.300.000	0,15%
2	Tổ chức	10.007	100.070.000	0,05%
	Tổng cộng	22.156.060	221.560.600.000	100,00%





Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019; từ đó, tăng vốn Điều lệ lên 221.560.600.000 đồng. Cụ thể như sau:

Loại chứng khoán	
Mệnh giá (ĐVT: đồng)	10.000 đồng
Số lượng chứng khoán phát hành	1.054.816 cổ phiếu
Số cổ đông được phân phối	449 cổ đông
Tổng số lượng chứng khoán sau khi phát hành	22.156.060 cổ phiếu
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết	221.560.600.000 đồng
Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực	18/08/2020(*)
Ngày chính thức giao dịch	07/09/2020

(*)Theo quyết định số 430/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu SJ1

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm ngày 30/09/2020 của Công ty Nông nghiệp Hùng Hậu là 1.010 cổ phiếu, trong năm Công ty không thực hiện các giao dịch quỹ.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu và các sản phẩm giá trị gia tăng từ nông thủy sản, Công ty nhận thức được rằng nguyên liệu đầu vào là tinh hoa, là giá trị cốt lõi để tạo ra sản phẩm tươi ngon và chất lượng. Do đó, Công ty luôn chú trọng tìm kiếm các nguồn nguyên liệu tươi sống, giàu dinh dưỡng và đáp ứng được nhu cầu về tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình sản xuất, chế biến thủy sản phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế ISO 22000 từ khâu bảo quản nguyên vật liệu đến khâu chế biến, đóng gói thành phẩm. Ngoài việc trang bị các hệ thống làm lạnh, bảo quản nguyên vật liệu đầu vào và thành phẩm, người lao động của Công ty cũng được đào tạo bài bản, lành nghề trong việc chế biến và xử lý nguyên vật liệu đúng cách, đảm bảo giữ nguyên vẹn dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trong năm, Công ty đã sử dụng khối lượng nguyên liệu như sau: tôm nguyên liệu 375 tấn/năm, bột xù bơ áo 345 tấn/năm, bạch tuộc nguyên liệu 348 tấn/năm, khoai tây nguyên liệu 840 tấn/ năm, ghẹ thịt 80 tấn/ năm, Tôm vụn 150 tấn/năm, mực ống, mực nang: 200 tấn/năm. Từng khối lượng nguyên liệu sử dụng trong năm đều được Công ty kiểm định chặt chẽ từ khâu bảo quản, chế biến đến khâu đóng gói và phân phối đến người tiêu dùng nhằm mang đến những sản phẩm chất lượng về chất và mẫu mã, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Tiêu thụ năng lượng

Trong năm, Công ty tiêu thụ năng lượng điện trực tiếp cho hệ thống cấp đông, kho lạnh thủy sản, hệ thống hấp, chiên và chiếu sáng phục vụ sản xuất, bên cạnh đó là hệ thống xử lý nước thải, đèn chiếu sáng; thiết bị máy móc, điều hòa văn phòng,...

Để thực hiện các chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng với mục đích vừa tiết kiệm chi phí và cả tiết kiệm tài nguyên cho quốc gia, góp phần bảo vệ môi trường, trong năm Công ty đã có các sáng kiến tiết kiệm năng lượng như:

- Sử dụng đèn led chiếu sáng phục vụ trong sản xuất, tiết kiệm khoảng 60% điện năng tiêu thụ;

- Sử dụng biến tầng cho các thiết bị điện có công xuất từ 3KW trở lên;

- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.

Với các hành động trên, Công ty đã giảm dần được lượng tiêu thụ điện qua các năm: Định mức điện hằng năm - 1.0kwh/1kgTP năm 2017; 0,94kwh/1kgTP năm 2018; 0,85kwh/1kgTP năm 2019; 0,78 kwh/1kgTP năm 2020

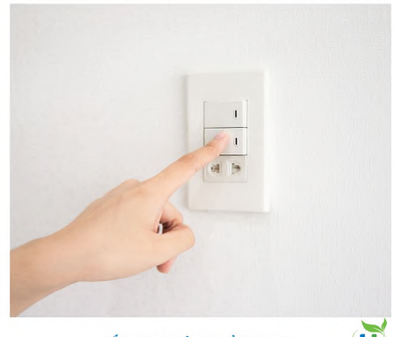
Tiêu thụ nước

Với đặc thù hoạt động của Công ty, lượng nước Công ty sử dụng chủ yếu cho các hoạt động sản xuất như rửa nguyên liệu đầu vào, chế biến các sản phẩm chính của công ty, vệ sinh máy móc phục vụ SXKD tại các nhà máy và sử dụng nước cho sinh hoạt. Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước. Mức tiêu thụ nước của các nhà máy như sau:

- Nhà máy Khu Công nghiệp Tân Phú Trung – Củ Chi: sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp và không sử dụng nước giếng khoan, mức tiêu thụ nước trung bình khoảng 48.000m3/ năm, không sử dụng nước tái chế lại.

- Nhà máy Khu Công nghiệp Sa Đéc – Đồng Tháp: sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp và giếng khoan công suất: 460m3/24h, tiêu thụ nước trung bình khoảng 168.000m3/năm, không có sử dụng nước tái chế lại.







BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN **MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

Chính sách liên quan đến người lao động

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 655 người lao động với thu nhập bình quân đạt 7.071.779 đồng/người/tháng. Ngoài những chính sách đãi ngộ, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể, các chính sách đào tạo được dành riêng cho từng đối tượng người lao động.

- Đối với CBNV: Trung bình mỗi năm đào tạo cho CNNV 480 giờ/năm. Nội dung chủ yếu đào tạo nội bộ về chuyên môn nghiệp vụ theo lĩnh vực phụ trách, tập huấn văn hóa doanh nghiệp và chương trình hội nhập.
- Đối với CNSX: Trung bình mỗi năm đào tạo cho CNSX 496 giờ/năm. Nội dung chủ yếu đào tạo về hiểu biết sản phẩm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh thực phẩm, văn hóa doanh nghiệp, quy tắc ứng xử, nội quy và kỷ luật lao động.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hằng năm, Công ty luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương. Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:

- Quỹ trái tim Hùng Hậu;
- Đóng góp Quỹ học bổng hiếu học;
- Công ty khen thưởng cho con của CB-CNV lao động có thành tích trong học tập;
- Đóng góp quỹ hỗ trợ miền Trung…

DANH SÁCH ĐÀO TẠO BÊN NGOÀI TÍNH TỪ 10/2019 ĐẾN 09/2020

TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	THỜI GIAN	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	PHÒNG BAN	CHI PHÍ
Khóa đào tạo Alibaba (đào tạo bán hàng và quảng bá hình ảnh sản phẩm, thương hiệu đến với khách hàng)	31/03 và 30/06	Hoàn thành khóa đào tạo	CBNV phòng PTKD	33 triệu/ năm
Kỹ thuật đánh giá tay nghề nhân viên phòng kiểm nghiệm si sinh và kiểm soát chất lượng kết quả kiểm nghiệm	26/12/2019-27/12/2019	Chứng nhận đã hoàn thành khóa học	Nhân viên Kiểm ng-hiệm	2.500.000 đồng
Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	12/03/2020	Chứng nhận có giá trị đến hết ngày 15/03/2023	271 CBCNV	8.130.000 đồng
BRC 8 về quản lý sự cố, tình huống khẩn cấp, khủng hoảng; xây dựng kế hoạch giảm thiểu gian lận thực phẩm và kế hoạch an ninh, phòng vệ thực phẩm trong nhà máy chế biến thực phẩm	19/03/2020-20/03/2020	Chứng nhận BRC 08	Nhân viên QA	4.400.000 đồng
Đào tạo tập trung HACCP do Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng 4 tổ chức tại TP.HCM	08/04/2020 – 12/04/2020	Chứng nhận đào tạo HACCP	Nhân viên QA và QC	2.500.000 đồng
Đào tạo giám sát nhà cung cấp và các yêu cầu đánh giá rủi ro theo BRC Thực phẩm phiên bản 8 do Intertek Việt Nam tổ chức Văn phòng Intertek Việt Nam	13/06/2020-14/06/2020	Chứng nhận BRC 08	TBP và PBP Chất lượng	3.300.000 đồng
Cập nhật và diễn giải tiêu chuẩn ISO 22000:2018 do Intertek Việt Nam tổ chức Văn phòng Inter-tek Việt Nam	27/06/2020-28/06/2020	Chứng chỉ ISO 22000:2018	TBP Chất lượng	3.300.000 đồng
Nhận thức và đánh giá hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000-2018	14/09/2020-16/09/2020	Chứng nhận đã hoàn thành khóa học	Nhân viên QA	5.940.000 đồng

III.
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2020, ngành thủy sản Việt Nam đã phải gánh chịu những ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid - 19 bùng phát và lan rộng trên phạm vi toàn cầu, nghiêm trọng nhất là tại các quốc gia Trung Quốc, Mỹ và khu vực EU – các thị trường xuất khẩu trọng điểm của thủy sản Việt Nam. Theo thống kê của Hiệp hội Thủy sản Việt Nam (VASEP), giá trị xuất thủy sản Việt Nam trong 09 tháng năm 2020 sụt giảm 03% so với cùng kỳ; sản lượng tiêu thụ tại thị trường nội địa ước tính sụt giảm từ 30 - 50%.

Trước bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành, kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu bị tác động tiêu cực là điều khó tránh khỏi. Kết thúc năm tài chính năm 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.071 tỷ đồng, hoàn thành 97,38% so với kế hoạch năm, giảm 3,56% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 23,71 tỷ đồng, tương đương 71,86% kế hoạch năm và giảm 24,37% so với năm 2019. Trong năm, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực hết mình nhằm thực hiện những mục tiêu đã đặt ra, tuy nhiên do yếu tố khách quan là dịch bệnh bùng phát và kéo dài vào đúng niên độ hoạt động của Công ty, dẫn đến sản lượng tiêu thụ tại các thị trường đều sụt giảm một cách nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả doanh thu lợi nhuận chưa đạt được, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng rất tự hào về các thành quả đạt được trong năm, cụ thể là:

- Thị trường nội địa, Công ty đã triển khai chào hàng một số sản phẩm mới, kết hợp khai thác sản phẩm thương mại vào các kênh nhà hàng, khách sạn, chuỗi thức ăn nhanh, đồng thời, phát triển mạng lưới phân phối với hệ thống các siêu thị trên toàn quốc, thông qua kết hợp với Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.
- Thị trường xuất khẩu, Công ty đã phát triển và mở rộng mạng lưới bán hàng thêm 17 khách hàng và 05 thị trường mới là: Bangladesh, Belarus, Romania, UK, Ukraine.
- Hoàn thành và cho đi vào hoạt động Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc (HAF) với công suất đạt được là 500 tấn/tháng thủy sản thành phẩm và 60 tấn/tháng mặt hàng GTGT.

Mặc dù kết quả kinh doanh của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu năm 2020 bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tác động của dịch Covid -19, nhưng với sự kỳ vọng về nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường sẽ bắt đầu phục hồi trở lại kể từ cuối năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng bằng sự nỗ lực và quyết tâm cao của toàn thể Công ty, CTCP Hùng Hậu sẽ gặt hái được nhiều thành công trong giai đoạn sắp tới.

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH Năm 2019	TH Năm 2020	KH Năm 2020	% tăng/giảm	
					TH 2020/2019	TH 2020/ KH 2020
1	Doanh thu thuần BH và CCDV	1.110.644	1.071.125	1.100.000	(3,56%)	97,38%
2	Giá vốn hàng bán	1.014.713	969.880		(4,42%)	
3	Lợi nhuận gộp BH và CCDV	95.932	101.245		5,54%	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	5.903	3.353		(43,20%)	
5	Chi phí tài chính	39.155	41.403		5,74%	
6	Chi phí BH	12.429	20.832		67,61%	
7	Chi phí quản lý DN	19.191	19.305		0,59%	
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	31.059	23.058		(25,76%)	
9	Lợi nhuận khác	297	656		121,03%	
10	Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.356	23.714	33.000	(24,37%)	71,86%
11	Thuế TNDN	6.235	5.019		(19,51%)	
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.120	18.695		(25,58%)	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

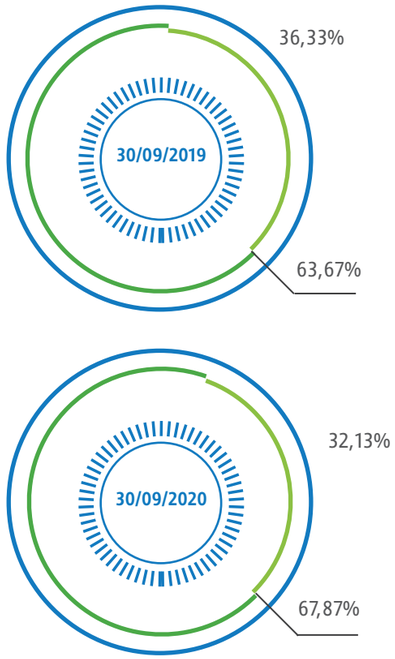
ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	30/09/2019		30/09/2020		% tăng/ giảm 2020/2019
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	599.736	63,67%	655.946	67,87%	9,37%
Tài sản dài hạn	342.252	36,33%	310.559	32,13%	(9,26%)
Tổng tài sản	**941.988**	**100,00%**	**966.505**	**100,00%**	**2,60%**

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2020 đạt hơn 966 tỷ đồng, tăng 2,6% so với thời điểm cùng kỳ năm 2019. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 67,87%, tăng 9,37% mức tăng chủ yếu đến từ lượng hàng tồn kho trong năm tăng mạnh đạt 52,89 tỷ đồng. Thứ nhất, do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn trong thời gian dịch bệnh diễn ra, nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu lẫn nội địa đều sụt giảm, dẫn đế lượng hàng tồn kho đầu kỳ tăng. Thứ hai, trước tình hình dịch bệnh ổn định hơn tại thị trường trong nước, các vaccine sắp được công bố chính thức tại các quốc gia lớn trên thế giới, Công ty nhận định nhu cầu tiêu thụ mặt hàng thủy sản trong dịp cuối năm 2020 và đầu năm 2021. Do đó, Công ty gia tăng sản xuất nhằm đảm bảo cung ứng kịp thời cho thị trường.

Tài sản dài hạn chiếm 32,13% trên tổng tài sản, giảm 9,26% so với thời điểm 30/09/2019. Về cơ cấu, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất, có mức giảm 4,44% so với cùng kỳ năm 2019 do Công ty tiếp tục thanh lý, nhượng bán các máy móc, thiết bị gần hết khấu hao.

CƠ CẤU TÀI SẢN



Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 30/09/2020, tổng nợ phải trả của Công ty là 674.5 tỷ đồng, chiếm 69,8% cơ cấu tổng tài sản. So với năm 2019, giá trị nợ phải trả tăng hơn 3%, trong đó, nợ ngắn hạn chiếm trên 87,55% tăng 10,99% so với thời điểm cùng kỳ do Công ty chủ yếu vay nợ để tài trợ vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Nợ dài hạn chiếm 12,12% trên tổng nợ, giảm 32,27% so với cùng kỳ, nguyên nhân chính là do Công ty trả hết 38,95 tỷ nợ vay dài hạn nhằm giảm bớt gánh nặng chi phí lãi.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	30/09/2019		30/09/2020		% tăng/ giảm 2020/2019
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	534.145	81,57%	592.836	87,88%	10,99%
Nợ dài hạn	120.691	18,43%	81.739	12,12%	(32,27%)
Tổng nợ phải trả	**654.836**	**100%**	**674.574**	**100,00%**	**3,01%**

CƠ CẤU NỢ TẠI NGÀY 30/09/2019



534.145 triệu đồng
NỢ NGẮN HẠN

120.091 triệu đồng
NỢ DÀI HẠN

CƠ CẤU NỢ TẠI NGÀY 30/09/2020



592.836 triệu đồng
NỢ NGẮN HẠN

81.739 triệu đồng
NỢ DÀI HẠN

Nợ dài hạn
Nợ ngắn hạn

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mục tiêu tài chính

Mặc dù kết quả kinh doanh của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu năm 2020 bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tác động của dịch Covid -19 , nhưng với sự kỳ vọng về nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường sẽ bắt đầu phục hồi trở lại kể từ cuối năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng bằng các chiến lược kinh doanh đúng đắn và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên sẽ giúp Hùng Hậu tăng trưởng vững mạnh và đạt được mục tiêu đã đề ra trong năm tiếp theo.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2021
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.200.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000

Mục tiêu – Chiến lược sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2021

- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm thuộc thương hiệu Happy Food ra thị trường tiêu thụ nội địa (qua các kênh phân phối hiện đại), tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh các sản phẩm thương mại như nguyên liệu nông sản dùng sản xuất thức ăn thủy sản.
- Đẩy mạnh phát triển khách hàng ở thị trường Singapore đối với mặt hàng thủy sản và GTGT bằng hình thức thành lập văn phòng đại diện.
- Tăng cường tham gia các hội chợ liên quan đến các mặt hàng nông thủy sản đông lạnh, hàng GTGT tại EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vào thời gian tới; tiếp tục khảo sát và tiếp cận nhanh chóng thêm thị trường mục tiêu, trong đó ưu tiên thị trường Mỹ, Anh.
- Tăng cường liên kết các khách hàng có hệ thống phân phối lớn, tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu các sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Việt Nam sẽ là hướng phát triển có tiềm năng cho Công ty trong thời gian tới.
- Chủ động dự trữ một số mặt hàng có giá cả tốt dựa vào nhu cầu dự báo của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm và nhập khẩu các nguyên liệu chính như mực, bạch tuộc… phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng của thị trường EU, thị trường Nhật, giảm thiểu tối đa áp lực về giá cả do tình hình nguyên liệu trong nước.



Mục tiêu công tác sản xuất

- Nhanh chóng hoàn thiện đầu tư máy chiên băng tải công suất 250kg/giờ tại Nhà máy Số 3 - Khu Công nghiệp Sa đéc.
- Lên kế hoạch xây dựng Nhà máy H.H.C tại khu đất kế Nhà máy số 3 có ít nhất 1 dây chuyền sản xuất bán tự động.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu cải tiến về dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị thay thế con người và các thiết bị lỗi thời tại Nhà máy Số 1.
- Thực hiện nghiên cứu phát triển 3 dòng sản phẩm (2 dòng Ready to cook, 1 dòng To Kid, Fast food) theo công thức riêng của Hùng Hậu.
- Nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đạt chất lượng cao và giá cả hợp lý, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Kiểm soát tốt chất lượng từ nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào đến sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn về kháng sinh, vi sinh.



Hành chính Nhân sự

- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong ngành.
- Tăng cường hoạt động tuyển dụng nhân sự như: liên kết với các công ty giới thiệu việc làm tại các vùng/ địa phương lân cận hỗ trợ tuyển dụng lao động, kết hợp quảng bá thông tin tuyển dụng và chính sách đãi ngộ của công ty đến người lao động địa phương.
- Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm theo quy định Pháp luật hiện hành.
- Hoàn thiện và xây dựng thêm những chính sách liên quan đến lương sản phẩm cho khối sane xuất để thu hút và nâng cao năng suất làm việc của người lao động.
- Liên kết với các tổ chức giáo dục trực thuộc HungHau Holdings tổ chức các khóa đào tạo vừa học vừa làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao kiến thức, thay đổi môi trường làm việc, có thu nhập tốt hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, hỗ trợ tiền giữ con nhỏ dưới 07 tuổi cho người lao động yên tâm sản xuất và gắn bó lâu dài.
- Hoàn thiện đội ngũ nhân sự lãnh đạo và hệ thống thang bảng lương công bằng, hiệu quả.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN
ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Ý thức được trách nhiệm của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với các tác động đến môi trường và xã hội, trong năm Công ty đã thực hiện xây dựng văn phòng theo tiêu chuẩn xanh " Green Office", đồng thời chủ động triển khai nhiều biện pháp nhằm đến tiết



Về tiết kiệm năng lượng:

- Công ty thay thế toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng đèn led phục vụ trong sản xuất, tiết kiệm khoảng 60% điện năng tiêu thụ.
- Sử dụng biến tầng cho các thiết bị điện có công xuất từ 3KW trở lên.
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.



Về xử lý chất thải bảo vệ môi trường:

- Công ty thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy HA1 và nhà máy HAF.
- Công ty đã ký hợp đồng cải tạo hệ thống xử lý nước thải nâng công suất từ 400m3 ngày đêm lên thành 600m3 ngày đêm với Công Ty TNHH Môi trường Vintech số: 06/2020 HĐKT/VT-HH ngày 08/09/2020.
- Tuyên truyền nhân viên hạn chế sử dụng những ly nhựa, bình nhựa sử dụng 01 lần.



Về trách nhiệm đối với người tiêu dùng và cộng đồng:

- Là Công ty chế biến thủy sản, Công ty luôn xem đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu, các sản phẩm của Công ty luôn tuân thủ các Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001, Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm ISO 22000, Yêu cầu chung về Năng lực của Phòng thí nghiệm và Hiệu chuẩn ISO 17025, Phân tích Mối nguy và Kiểm soát Điểm tới hạn ("HACCP"), ASC, BRC.
- Trong năm, Công ty thực hiện đóng góp Quỹ trái tim Hùng Hậu, vận động quyên góp hỗ trợ đồng bào miền Trung lũ lụt,…



Về chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.
- Trong năm qua, đại dịch COVID-19 ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gây ra nhiều khó khăn như: bán hàng giảm mạnh, ảnh hưởng đến mua nguyên phụ liệu đầu vào…Đứng trước tình hình đó, để đảm bảo thu nhập và ổn định cuộc sống cho CBCNV, Công ty đã đưa ra các phương án duy trì hoạt động sản xuất và cũng như các chính sách hỗ trợ cho người lao động như: hỗ trợ tiền xăng xe; nhà lưu trú, xe đưa đón; thăm hỏi ốm đau (nằm viện); mừng đám cưới; viếng tang; tiền điện thoại, tặng quà cho đơn vị Công đoàn có thời gian làm việc từ 15 năm trở lên trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển công tác; trang bị đồ bảo hộ lao động và cấp phát khẩu trang khi vào Công ty. Ngoài ra công ty cũng đã tổ chức các hoạt động thi đua, vui chơi giải trí cho CBCNV các ngày 08/03 và 20/10 sau khi dịch Covid được kiểm soát.

IV.
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng trong tương lai



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá chung

Trong những tháng gần đây, dù nền kinh tế thế giới và Việt Nam bắt đầu có những dấu hiệu phục hồi thì tình trạng suy giảm sâu vẫn chưa thật sự cân bằng trở lại. Theo báo cáo của Cục Quản lý Đăng ký Kinh doanh, liên tục ghi nhận số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh hoặc chờ giải thể tăng đột biến so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng tháng 9/2020, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 3.269 doanh nghiệp *(tăng 114,9% so với cùng kỳ năm 2019),* **số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 4.097 doanh nghiệp (tăng 50,8% so với cùng kỳ năm 2019). Trong 9 tháng đầu năm 2020, có 38.629 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn** *(tăng 81,8% so với cùng kỳ năm 2019, cao hơn gấp 3,7 lần so với mức tăng trung bình 21,9% giai đoạn 2015-2019);* **trung bình mỗi tháng có 8.701 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường** *(tăng 27,2% so với trung bình 9 tháng năm 2019).*

Trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu thủy sản, từ tháng 6/2020 đã có những dấu hiệu tăng trưởng tích cực, tuy nhiên theo thống kê sơ bộ của Tổng Cục Hải Quan, tính đến tháng 9/2020 thì tổng giá trị xuất khẩu chỉ đạt 6.035.143.760 USD *(giảm 3% so với cùng kỳ 9 tháng đầu năm 2019).*

Trong 03 tháng cuối năm 2020, trước tình trạng bùng phát đợt 3 của dịch bệnh trên thế giới cùng tình trạng ngập mặn, lũ lụt diễn ra trong nước thì việc tăng trưởng kinh tế nói chung và trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản là chưa thể khẳng định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

Kết thúc năm tài chính 2020, dù Công ty chỉ hoàn thành cơ bản các kế hoạch đề ra nhưng xét trong tình hình chung khi ngành thủy sản bị ảnh hưởng nặng nề thì Công ty đã giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả đáng khích lệ:

- Tổng doanh thu đạt 1.071 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch năm tài chính 2020 và bằng 96% doanh thu thực hiện năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 23,7 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch năm 2020 và bằng 76% doanh thu thực hiện năm 2019.
- Tổng tài sản tại ngày 30/9/2020 đạt 966,5 tỷ đồng, tăng 03% so với cùng thời điểm của năm 2019.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/9/2020 đạt 291,93 tỷ đồng, tăng 02% so với cùng thời điểm của năm 2019.

Tăng vốn điều lệ

- **Hoàn thành việc tăng vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020 nâng vốn điều lệ lên mức 221.560.600.000 đồng từ mức 211.012.440.000 đồng thời điểm 30/09/2019. Thông qua hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông, Thông qua hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông, Công ty có thể tận dụng nguồn lợi nhuận sau thuế để tái đầu tư nhằm mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh cũng như gia tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.**
- **Công ty niêm yết và giao dịch số lượng cổ phiếu tăng thêm cùng với việc sửa đổi điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.**





Cơ cấu quản lý

Ngày 28/12/2019, Công Ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty sẽ xóa bỏ Ban kiểm soát và thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương:

- Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo Công ty có hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả.
- Tiểu ban Chiến lược tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.
- Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng, đề xuất mức lương thưởng, phúc lợi cho các thành viên HĐQT và người điều hành Công ty cũng như các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; các chính sách khen thưởng cho cán bộ, nhân viên, thúc đẩy động lực làm việc.

Tình hình sản xuất và đầu tư

- Trong năm, Công ty đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng GTGT tại cả hai nhà máy số HA1 – Khu công nghiệp Tân Phú Trung và Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc (HAF) đạt 60 tấn/tháng với các dòng sản phẩm như: Chả giò, Chả viên, Viên khoai lang phô mai, các mặt hàng tẩm bột...
- Sản lượng sản xuất line Thuỷ sản tại Nhà máy Số 3 – CN Sa Đéc (HAF) đạt 500 tấn thành phẩm/ tháng
- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm tiếp tục được duy trì và tuân thủ nghiêm ngặt theo các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL nhằm kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm đến tay người tiêu dùng.
- Trong năm, Công ty cũng đầu tư thêm 1 lò chiên tự động công suất 250kg/giờ cho line hàng chiên hấp tại Nhà máy số 1 - KCN Tân Phú Trung nhằm tăng sản lượng sản xuất line chiên, đáp ứng kịp thời các đơn hàng tẩm bột chiên. Đồng thời, đầu tư thêm 1 lò trụng, máy vắt ly tâm, máy hàn hút chân không, máy trộn nhân lạnh tại line hàng GTGT - Nhà máy số 3 (HAF) và thay mới toàn bộ hệ thống dàn lạnh tại Nhà máy số 1.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng

Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước, luôn quan tâm tới thực hiện các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGĐ CÔNG TY

Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty có 05 thành viên (01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc). Các thành viên Ban Tổng Giám đốc có đầy đủ đạo đức và phẩm chất, được đào tạo bài bản, đúng chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và quy định của pháp luật.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã liên tục đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để kịp thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ thị trường chung cũng như nắm bắt tốt các cơ hội có được. Đồng thời, thể hiện sự linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ý thức hoàn thiện công tác quản lý và quản trị Công ty thông qua việc ban hành những quy định quản lý nội bộ, nâng cao tính kỷ luật trong Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro ở nhiều mặt hoạt động. Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp cán bộ quản lý Công ty .



Dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021 do Ban Tổng Giám đốc đề xuất và tình hình kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá kết quả kinh doanh của Công ty tiếp tục có tăng trưởng ổn định so với kết quả đạt được năm 2020. Để đạt được mục tiêu đề ra, Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra các chính sách thực hiện như sau:

- Tập trung phát triển nền tảng phân phối thông qua liên kết các khách hàng có hệ thống phân phối lớn, thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu nhằm đẩy mạnh thương hiệu HungHau ra thị trường quốc tế. Song song đó, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động R&D, nghiên cứu phát triển các sản phẩm có biên lợi nhuận cao, tích cực mở rộng thị trường thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động marketing hiện đại.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh hằng ngày.
- Năm 2021, Công ty chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh các sản phẩm thương mại trong chuỗi như nguyên liệu nông sản dùng sản xuất thức ăn thủy sản.
- Về mặt quản trị nội bộ, HĐQT công ty tiếp tục chú trọng xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ; chuẩn hóa các vị trí, chức vụ, chế độ lương thưởng phụ cấp cho cán bộ công nhân viên xứng đáng với công sức đóng góp. Đồng thời, các biểu mẫu, quy trình ban hành văn bản nội bộ cũng được rà soát và chuẩn hóa một cách chặt chẽ, nhằm hoàn thiện các quy chế nội bộ tạo khuôn khổ cho các hoạt động của Công ty.
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.



IV.
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Trần Thanh Hương	P. Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Thành viên độc lập
4	Từ Thanh Phụng	Thành viên	Thành viên điều hành
5	Huỳnh Thanh	Thành viên	Thành viên điều hành





Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2020 tại Khách sạn REX – Số 141 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,Quận 1, TP. HCM và đưa ra Nghị quyết số 01.2020/NQ-ĐHĐCĐ. Cụ thể nội dung như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01.2020/NQ-ĐHĐCĐ	28/12/2019	• Thông qua báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2019 và định hướng kế hoạch năm 2020. • Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019. • Thông qua báo cáo hoạt động BKS năm 2019. • Thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019. • Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. • Thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng. • Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019. • Thông qua thay đổi cơ cấu quản trị kiểm soát Công ty. • Thông qua Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, • Thư ký năm 2020. • Thông qua thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. • Thông qua phương án đầu tư vào Dự án Cụm công nghiệp An Hảo. • Thông qua phương án thực hiện bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025. • Kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020- 2025.

"Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai"

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	Ngày không còn là CT. HĐQT 28/12/2019	4/10	40%	Hết nhiệm kỳ
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày không còn là PCT. HĐQT 28/12/2019	4/10	40%	Hết nhiệm kỳ
3	Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Ngày không còn là TV. HĐQT 28/12/2019	4/10	40%	Hết nhiệm kỳ
4	Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	Ngày không còn là TV. HĐQT 28/12/2019	4/10	40%	Hết nhiệm kỳ
5	Ông Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	Ngày không còn là TV. HĐQT 28/12/2019	4/10	40%	Hết nhiệm kỳ
6	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là CT. HĐQT 28/12/2019	6/10	60%	Nhận nhiệm kỳ mới 2020-2025
7	Ông Trần Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là PCT. HĐQT 28/12/2019	10/10	100%	Nhận nhiệm kỳ mới 2020-2025
8	Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 28/12/2019	10/10	100%	Nhận nhiệm kỳ mới 2020-2025
9	Bà Huỳnh Thanh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 28/12/2019	6/10	60%	Nhận nhiệm kỳ mới 2020-2025
10	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 28/12/2019	10/10	100%	Nhận nhiệm kỳ mới 2020-2025

** Bao gồm: Các cuộc họp trực tiếp và các lần xin ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản.*

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty sẽ hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Chiến lược, Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương.
Các tiểu ban đã thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Tiểu ban Chiến lược:

- Soát xét đánh giá hệ thống phân phối các thị trường trong nước và ngoài nước, góp ý đề xuất chiến lược, chính sách kinh doanh của Công ty; chiến lược M&A.
- Soát xét đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận, góp ý đề xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị sản xuất.
- Hoàn thiện phương án chi trả cổ tức 2019 và ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Tiểu ban Kiểm toán: tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2020, cụ thể như sau:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ & độc lập, tính phù hợp và tin cậy của báo cáo tài chính.

Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng:

- Tham mưu cho cho HĐQT về sơ đồ tổ chức Công ty.
- Tham mưu xây dựng Quy định tính thu nhập cho Chuyên viên/ Nhân viên Kinh doanh Quốc tế; giám sát, đánh giá việc tuân thủ và tính hiệu quả của việc áp dụng.
- Giám sát việc thực hiện các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và miễn/bãi nhiệm hoặc thay đổi cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.
- Đánh giá hiệu quả, năng suất làm việc có định lượng của CBCNV Công ty.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT
1	Số 01.2020/NQ-HĐQT	28/10/2019	Thông qua Đơn xin từ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của bà Nguyễn Minh Hiếu kể từ ngày 28/10/2019.
2	Số 02.2020/NQ-HĐQT	19/11/2019	Thông qua thời gian dự kiến chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020: ngày 10/12/2019. Ngày không còn là TV. HĐQT 28/12/2019
3	Số 04.2020/NQ-HĐQT	26/12/2019	Thông qua điều chỉnh nội dung ĐHĐCĐ sẽ biểu quyết và thông qua tại ngày 28/12/2019.
4	Số 05.2020/NQ-HĐQT	26/03/2020	Thông qua bổ nhiệm nhân sự các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.
5	Số 06.2020/NQ-HĐQT	10/04/2020	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Phương Như giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 10/04/2020.
6	Số 07.2020/NQ-HĐQT	08/05/2020	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dol giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 08/05/2020.
7	Số 08.2020/NQ-HĐQT	01/06/2020	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; triển khai thực hiện phương án phát hành.
8	Số 09.2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	Thông qua việc thống nhất cử Ông Tống Văn Tùng là người đại diện theo ủy quyền để quản lý toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu.
9	Số 01.2020/QĐ-HĐQT	28/10/2019	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Nguyễn Minh Hiếu
10	Số 02.2020/QĐ-HĐQT	10/04/2020	Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Phương Như giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
11	Số 03.2020/QĐ-HĐQT	08/05/2020	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dol giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu



Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trực tiếp chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công tác quản lý điều hành khác; phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra, đôn đốc thực hiện các công việc sau:

- Tiếp tục triển khai chiến lược xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu theo mô hình Tổng Công ty với các Công ty thành viên độc lập về hoạt động thường xuyên nhưng chịu sự chi phối từ Công ty mẹ về các hoạt động chủ chốt.
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý thông qua dự báo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý nhằm chủ động khắc phục và huy động, bổ sung các nguồn lực về con người, tài chính,… của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.
- Triển khai thực hiện các mục tiêu trọng tâm, phát triển sản phẩm chủ lực.
- Triển khai thực hiện nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty.
- Phân công quyền hạn, trách nhiệm công việc cụ thể giữa các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 vào ngày 28/12/2019.
- Triển khai thực hiện chi trả cổ tức 2019 cho các cổ đông.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu, theo quy định của Luật chứng khoán.

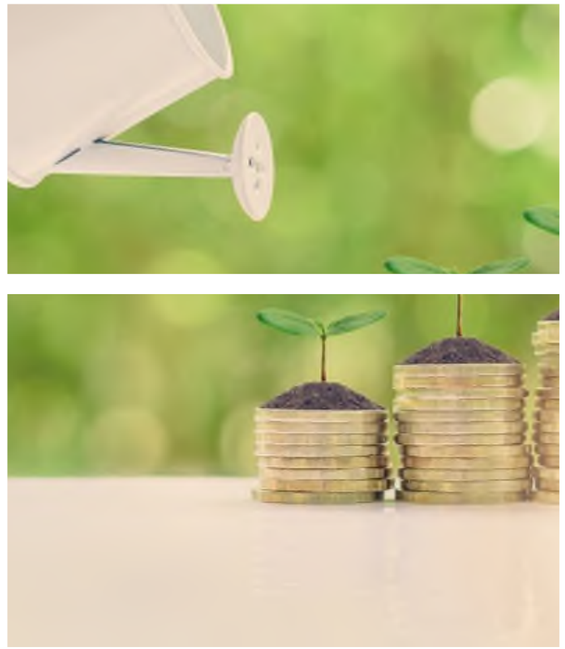
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HĐQT, BAN TGĐ VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương hiệu quả
I	Hội đồng quản trị		557.100.000
	Năm 2019: Từ 10/2019 - 12/2019		
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	18.000.000
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	15.300.000
3	Từ Thanh Phụng	Thành viên HĐQT	13.500.000
4	Đinh Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	13.500.000
5	Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	13.500.000
6	Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	13.500.000
7	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	13.500.000
8	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	13.500.000
3	Từ Thanh Phụng	Thành viên HĐQT	40.500.000
4	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	40.500.000
5	Huỳnh Thanh	Thành viên HĐQT	40.500.000
II	Ban kiểm soát		9.000.000
1	Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	13.000.000
2	Dư Thiện Minh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	9.000.000
3	Phạm Nguyễn Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	9.000.000
III	Ban điều hành		-
1	Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	-
2	Huỳnh Thanh	Phó Tổng giám đốc	-
3	Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	-
4	Tống Văn Tùng	Phó Tổng giám đốc thường trực	-
5	Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng giám đốc	-
6	Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng giám đốc	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Thời gian thực hiện	Lý do tăng/ giảm sở hữu
1	Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt là Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	10.816.208	10.821.938	Thực hiện ngày 06/07/2020	Tăng sở hữu. Lý do: Đầu tư



V.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Trần Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2019
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/12/2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2020
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/05/2020
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/10/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2020

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Phạm Thị Minh Nguyệt

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Số: 08-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 7 tháng 12 năm 2020, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Văn Tình
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		**655.945.777.880**	**599.736.314.694**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	**3.232.799.481**	**8.757.555.529**
1. Tiền	111		3.232.799.481	8.757.555.529
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**24.130.305.000**	**22.425.918.329**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	24.130.305.000	22.425.918.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		**360.777.052.460**	**352.252.496.086**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	352.478.650.227	334.265.473.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.621.841.640	15.487.234.910
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.676.560.593	2.499.787.810
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	**261.283.644.204**	**208.384.965.347**
1. Hàng tồn kho	141		261.283.644.204	208.384.965.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		**6.521.976.735**	**7.915.379.403**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.812.148.715	1.280.884.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.709.828.020	6.634.494.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		**310.559.462.814**	**342.252.023.996**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		**6.384.950.040**	**7.001.402.204**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	6.384.950.040	7.001.402.204
II. Tài sản cố định	220		**242.120.704.152**	**253.364.371.858**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	121.756.673.991	128.341.852.210
- Nguyên giá	222		204.671.864.164	200.679.416.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.915.190.173)	(72.337.564.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	25.039.140.442	28.465.786.798
- Nguyên giá	225		38.186.047.767	38.186.047.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.146.907.325)	(9.720.260.969)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	95.324.889.719	96.556.732.850
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.956.930.295)	(5.725.087.164)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		**5.062.154.722**	**19.823.120.850**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5.062.154.722	19.823.120.850
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		**34.475.500.000**	**32.475.500.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	900.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	31.325.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	2.250.000.000	250.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		**22.516.153.900**	**29.587.629.084**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	22.516.153.900	29.587.629.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**966.505.240.694**	**941.988.338.690**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		**674.574.311.851**	**654.836.069.112**
I. Nợ ngắn hạn	310		**593.096.704.347**	**534.145.321.513**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	112.614.355.804	93.501.928.947
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.715.036.938	1.912.558.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13.265.721.388	7.556.142.520
4. Phải trả người lao động	314		10.277.919.449	11.236.594.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.956.008	99.234.019
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	-	1.372.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	12.879.376.624	5.312.872.170
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	441.300.299.828	413.108.400.551
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	44.789.822
II. Nợ dài hạn	330		**81.477.607.504**	**120.690.747.599**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	19.030.307.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	11.854.775.000	11.854.775.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	69.622.832.504	89.805.665.099
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		**291.930.928.843**	**287.152.269.578**
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	**291.930.928.843**	**287.152.269.578**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		221.560.600.000	211.012.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		221.560.600.000	211.012.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	4.508.887.768
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.940.303.428	25.212.213.850
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		245.479.546	91.729.505
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.694.823.882	25.120.484.345
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**966.505.240.694**	**941.988.338.690**

Người lập biểu / Kế toán trường

Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Từ Thanh Phụng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**1.071.875.813.356**	**1.110.978.346.446**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	750.768.295	334.283.599
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	VI.3	**1.071.125.045.061**	**1.110.644.062.847**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.4	**969.879.977.728**	**1.014.712.530.647**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**101.245.067.333**	**95.931.532.200**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	3.352.964.131	5.903.065.233
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	41.402.780.166	39.154.985.506
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*39.320.953.678*	37.891.153.113
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	20.832.432.887	12.429.255.610
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	19.304.998.352	19.191.333.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**23.057.820.059**	**31.059.022.874**
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.183.780.379	1.115.557.284
13. Chi phí khác	32	VI.9	527.810.502	818.773.227
14. Lợi nhuận khác	**40**		**655.969.877**	**296.784.057**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**23.713.789.936**	**31.355.806.931**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	5.018.966.054	6.235.322.586
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**18.694.823.882**	**25.120.484.345**
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		18.694.823.882	25.120.484.345
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**71**	VI.11	**802**	**1.077**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Từ Thanh Phụng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

Đơn vị tính:VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**23.713.789.936**	**31.355.806.931**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.051.466.520	16.970.594.579
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	616.285.052	(7.727.905)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.456.877.701)	(5.210.360.567)
- Chi phí lãi vay	06	39.320.953.678	37.891.153.113
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	**78.245.617.485**	**80.999.466.151**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.623.199.257	26.274.214.162
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(52.898.678.857)	(21.059.392.198)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	6.928.698.975	(32.246.922.004)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.540.211.051	1.753.455.673
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.320.953.678)	(37.891.153.113)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(500.000.000)	(11.124.756.283)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.300.775.731)	(1.247.773.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**1.317.318.502**	**5.457.138.794**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.652.799.410)	(14.514.114.824)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	90.909.091	26.812.226.406
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.704.386.671)	(2.675.918.329)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.510.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.230.000.000	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.380.307.868	1.356.352.776
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**(1.655.969.122)**	**(9.531.453.971)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.024.143.710.932	982.763.699.694
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.009.736.229.244)	(953.735.639.828)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(6.911.331.308)	(9.905.428.193)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.659.605.700)	(11.948.147.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**(5.163.455.320)**	**7.174.483.873**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	**(5.502.105.940)**	**3.100.168.696**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	**8.757.555.529**	**5.655.648.463**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(22.650.108)	1.738.370
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	**3.232.799.481**	**8.757.555.529**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như

Ngày 7 tháng 12 năm 2020

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Từ Thanh Phụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 14 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn thực góp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty con:				
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	100%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản ....
Công ty liên kết:				
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	30%	Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ....

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.446.229.381	2.048.011.757
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	786.570.100	6.709.543.772
Cộng	**3.232.799.481**	**8.757.555.529**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**26.380.305.000**	**26.380.305.000**		**22.675.918.329**	**22.675.918.329**
- Ngắn hạn	**24.130.305.000**	**24.130.305.000**		**22.425.918.329**	**22.425.918.329**
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay	14.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	10.130.305.000	10.130.305.000		8.425.918.329	8.425.918.329
- Dài hạn	**2.250.000.000**	**2.250.000.000**		**250.000.000**	**250.000.000**
+ Trái phiếu (250 trái phiếu của AGR kỳ hạn đến 24/9/2026)	250.000.000	250.000.000		250.000.000	250.000.000
+ Trái phiếu (200 trái phiếu của BIDV kỳ hạn 7 năm)	2.000.000.000	2.000.000.000		-	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn	**32.225.500.000**			**32.225.500.000**	
- Góp vốn liên doanh	**900.000.000**			**900.000.000**	
+ Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	900.000.000	(*)	30%	900.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	**31.325.500.000**			**31.325.500.000**	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)	159.520.000	255.232.000		159.520.000	239.280.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)	65.980.000	(*)		65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	30.600.000.000	(*)	17%	30.600.000.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu	500.000.000	(*)		500.000.000	(*)
Cộng	**58.605.805.000**			**54.901.418.329**	

(*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**352.478.650.227**	**334.265.473.366**
Phải thu khách hàng trong nước	336.818.392.261	297.023.531.796
Phải thu khách hàng nước ngoài	15.660.257.966	37.241.941.570

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ứng trước nhà cung cấp xây dựng - Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây	160.456.027	12.608.900.000
Các đối tượng khác	4.461.385.613	2.878.334.910
Cộng	**4.621.841.640**	**15.487.234.910**

5. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**3.676.560.593**	**2.499.787.810**
Lãi tiền gửi dự thu	-	645.328.561
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	1.649.395.760	172.541.200
Phải thu khác	2.027.164.833	1.681.918.049
b) Dài hạn	**6.384.950.040**	**7.001.402.204**
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.637.758.800	5.637.758.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	718.206.240	1.334.658.404
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
Cộng	**10.061.510.633**	**9.501.190.014**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.101.676.426	-	3.464.963.864	-
Công cụ, dụng cụ	2.746.034.456	-	2.354.130.426	-
Thành phẩm	255.435.933.322	-	202.565.871.057	-
Cộng	**261.283.644.204**	**-**	**208.384.965.347**	**-**

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**1.812.148.715**	**1.280.884.582**
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	245.486.626	215.725.855
Tiền thuê đất	1.078.777.662	818.592.672
Công cụ dụng cụ xuất dùng	196.208.475	14.590.910
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	291.675.952	231.975.145
b) Dài hạn	**22.516.153.900**	**29.587.629.084**
Tiền thuê đất (*)	21.760.552.905	28.996.618.059
Chi phí sửa chữa	755.600.995	591.011.025
Cộng	**24.328.302.615**	**30.868.513.666**

(*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 21.637.635.801 VND; Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 122.917.104 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	121.255.158.664	70.051.849.359	7.192.708.803	2.179.699.872	200.679.416.698
Số tăng trong năm	29.503.755.147	1.599.054.364	74.000.000	-	31.176.809.511
- Mua trong năm		1.599.054.364	74.000.000	-	1.673.054.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	29.503.755.147	-	-	-	29.503.755.147
Số giảm trong năm	26.861.470.997	-	322.891.048	-	27.184.362.045
- Thanh lý, nhượng bán	26.861.470.997	-	322.891.048	-	27.184.362.045
Số dư cuối năm	**123.897.442.814**	**71.650.903.723**	**6.943.817.755**	**2.179.699.872**	**204.671.864.164**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.449.198.490	39.607.400.185	5.311.360.552	1.969.605.261	72.337.564.488
Khấu hao tăng trong năm	4.702.536.955	6.216.995.787	436.415.321	37.028.970	11.392.977.033
Thanh lý, nhượng bán	492.460.300	-	322.891.048	-	815.351.348
Số dư cuối năm	**29.659.275.145**	**45.824.395.972**	**5.424.884.825**	**2.006.634.231**	**82.915.190.173**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	95.805.960.174	30.444.449.174	1.881.348.251	210.094.611	128.341.852.210
Tại ngày cuối năm	**94.238.167.669**	**25.826.507.751**	**1.518.932.930**	**173.065.641**	**121.756.673.991**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	91.182.001.734	100.367.292.721
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.181.550.143	12.892.136.872

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.513.719.825	4.672.327.942	38.186.047.767
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**33.513.719.825**	**4.672.327.942**	**38.186.047.767**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.437.634.123	2.282.626.846	9.720.260.969
Khấu hao tăng trong năm	2.842.605.372	584.040.984	3.426.646.356
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	**10.280.239.495**	**2.866.667.830**	**13.146.907.325**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	26.076.085.702	2.389.701.096	28.465.786.798
Tại ngày cuối năm	**23.233.480.330**	**1.805.660.112**	**25.039.140.442**

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**101.888.720.014**	**393.100.000**	**102.281.820.014**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.497.847.992	227.239.172	5.725.087.164
Khấu hao tăng trong năm	1.184.671.824	47.171.307	1.231.843.131
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**6.682.519.816**	**274.410.479**	**6.956.930.295**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	96.390.872.022	165.860.828	96.556.732.850
Tại ngày cuối năm	**95.206.200.198**	**118.689.521**	**95.324.889.719**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	93.337.243.298	94.521.915.122

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án Công trình HHA OFFICE	-	14.297.088.395
Chi phí mở rộng Văn phòng 613 Âu Cơ	1.482.054.830	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.702.065.801	3.647.998.364
Cộng	**5.062.154.722**	**19.823.120.850**

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	**112.614.355.804**	**112.614.355.804**	**93.501.928.947**	**93.501.928.947**
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	7.120.360.544	7.120.360.544	8.565.964.200	8.565.964.200
Công ty TNHH Hùng Cá	24.812.852.500	24.812.852.500	1.032.025.000	1.032.025.000
Các đối tượng khác	80.681.142.760	80.681.142.760	83.903.939.747	83.903.939.747
b) Phải trả người bán dài hạn	**-**	**-**	**19.030.307.500**	**19.030.307.500**
Công ty TNHH Hùng Cá	-	-	19.030.307.500	19.030.307.500

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp / được hoàn	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.014.562.260	31.546.103	651.222.972	394.885.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.808.370.971	5.018.966.054	500.000.000	9.327.337.025
Thuế thu nhập cá nhân	737.925.019	1.660.566.374	1.896.681.368	501.810.025
Thuế tài nguyên	15.733.120	53.517.120	31.087.360	38.162.880
Tiền thuê đất	979.551.150	3.663.237.719	1.692.063.442	2.950.725.427
Các loại thuế khác	-	66.712.410	13.911.770	52.800.640
Cộng	**7.556.142.520**	**10.494.545.780**	**4.784.966.912**	**13.265.721.388**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	-	1.372.800.000
Cộng	**-**	**1.372.800.000**

15. Phải trả khác

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**	**12.879.376.624**	**5.312.872.170**
	Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	6.791.480.149	2.949.859.944
	Cổ tức phải trả cho các cổ đông	114.871.600	114.336.900
	Phải trả khác	5.973.024.875	2.248.675.326
b)	**Dài hạn**	**11.854.775.000**	**11.854.775.000**
	Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000
	Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu	7.854.775.000	7.854.775.000
	Cộng	**24.734.151.624**	**17.167.647.170**

c) Phải trả khác là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	**Ngắn hạn**	**441.300.299.828**	**441.300.299.828**	**1.044.841.886.829**	**1.016.649.987.552**	**413.108.400.551**	**413.108.400.551**
-	**Vay ngắn hạn (*)**	**421.117.671.719**	**421.117.671.719**	**1.024.659.054.234**	**993.869.740.244**	**390.328.357.729**	**390.328.357.729**
+	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	21.330.724.430	21.330.724.430	51.669.296.217	53.307.548.720	22.968.976.933	22.968.976.933
+	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	149.584.327.000	149.584.327.000	365.671.560.060	357.472.709.810	141.385.476.750	141.385.476.750
+	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	32.881.262.000	32.881.262.000	101.387.605.199	91.863.567.882	23.357.224.683	23.357.224.683
+	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	53.364.520.000	53.364.520.000	158.734.655.338	147.588.505.838	42.218.370.500	42.218.370.500
+	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	148.489.711.533	148.489.711.533	313.497.374.175	314.905.971.505	149.898.308.863	149.898.308.863
+	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	4.967.126.756	4.967.126.756	12.698.563.245	7.731.436.489	-	-
+	Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.500.000.000	10.500.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000
-	**Nợ dài hạn đến hạn trả (**)**	**20.182.628.109**	**20.182.628.109**	**20.182.832.595**	**22.780.247.308**	**22.780.042.822**	**22.780.042.822**
+	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	4.782.200.000	4.782.200.000	4.782.200.000	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.800.000
+	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000
+	Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	4.560.312.109	4.560.312.109	4.560.516.595	6.911.331.308	6.911.126.822	6.911.126.822

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn (**)	**69.622.832.504**	**69.622.832.504**	**-**	**20.182.832.595**	**89.805.665.099**	**89.805.665.099**
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	23.500.000.000	23.500.000.000	-	4.782.200.000	28.282.200.000	28.282.200.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	42.646.314.000	42.646.314.000	-	10.840.116.000	53.486.430.000	53.486.430.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.476.518.504	3.476.518.504	-	4.560.516.595	8.037.035.099	8.037.035.099
Cộng	**510.923.132.332**	**510.923.132.332**	**1.044.841.886.829**	**1.036.832.820.147**	**502.914.065.650**	**502.914.065.650**

c) Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1922500241	12 tháng		125.102.000.000	Thế chấp
	LD1922500241	12 tháng	1.060.300,00	24.482.327.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.1900.230620	12 tháng		13.987.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.1900.230620	12 tháng	731.800,00	16.897.262.000	Thế chấp
	CVL.DN.1900.230620	12 tháng		1.997.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-202000201	6 tháng		6.461.803.000	Thế chấp
	1606-LAV-202000201	6 tháng	2.031.300,00	46.902.717.000	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2020/1777831/HĐT	12 tháng		148.489.711.533	Thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	UOB/HCMC/CASL/18202	12 tháng		10.245.000.000	Tín chấp
	UOB/HCMC/CASL/18202	12 tháng	480.109,33	11.085.724.430	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	48/2020/HDTD/BCH/01	12 tháng		4.967.126.756	Tín chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2020-00058-000	6 tháng		10.500.000.000	Tín chấp
Cộng				**421.117.671.719**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	11.466.410.000	14.666.450.000	Thế chấp
	LD1623700103	120 tháng	1.740.000.000	-	1.740.000.000	Thế chấp
	LD1623700088	60 tháng	4.530.000.000	22.650.000.000	27.180.000.000	Thế chấp
	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	8.529.904.000	9.899.980.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201500825	60 tháng	82.200.000	-	82.200.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	23.500.000.000	28.200.000.000	Thế chấp
Cộng			**15.622.316.000**	**66.146.314.000**	**81.768.630.000**	

+ Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00191-001	60 tháng	616.425.222	-	616.425.222
2017-00028-001	60 tháng	3.395.518.672	2.350.743.678	5.746.262.350
2019-00016-001	48 tháng	270.887.024	499.202.302	770.089.326
2019-00057-001	48 tháng	277.481.191	626.572.524	904.053.715
Cộng		**4.560.312.109**	**3.476.518.504**	**8.036.830.613**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**199.070.530.000**	**46.428.827.960**	**(10.100.000)**	**4.019.289.456**	**25.690.859.396**	**275.199.406.812**
Tăng vốn trong năm trước	11.941.910.000				(11.941.910.000)	-
Lãi trong năm trước					25.120.484.345	25.120.484.345
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(489.598.312)	(489.598.312)
Trích quỹ đầu tư phát triển				489.598.312	(489.598.312)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2018					(11.943.625.800)	(11.943.625.800)
Giảm khác					(734.397.467)	(734.397.467)
Số dư cuối năm trước	**211.012.440.000**	**46.428.827.960**	**(10.100.000)**	**4.508.887.768**	**25.212.213.850**	**287.152.269.578**
Số dư đầu năm nay	**211.012.440.000**	**46.428.827.960**	**(10.100.000)**	**4.508.887.768**	**25.212.213.850**	**287.152.269.578**
Tăng vốn trong năm nay	10.548.160.000				(10.548.160.000)	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.548.160.000				(10.548.160.000)	-
Lãi trong năm nay					18.694.823.882	18.694.823.882
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(502.409.687)	(502.409.687)
Trích quỹ đầu tư phát triển				502.409.687	(502.409.687)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2019					(12.660.140.400)	(12.660.140.400)
Giảm khác					(753.614.530)	(753.614.530)
Số dư cuối năm nay	**221.560.600.000**	**46.428.827.960**	**(10.100.000)**	**5.011.297.455**	**18.940.303.428**	**291.930.928.843**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	108.219.380.000	48,844	72.503.000.000	34,360
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	21.091.230.000	9,519	21.091.230.000	9,995
Vốn góp của các cổ đông	92.249.990.000	41,637	117.418.210.000	55,645
Cộng	**221.560.600.000**	**100**	**211.012.440.000**	**100**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	211.012.440.000	199.070.530.000
Vốn góp tăng trong năm	10.548.160.000	11.941.910.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	221.560.600.000	211.012.440.000
Cổ tức đã chia	23.208.300.400	23.885.535.800

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**22.156.060**	**21.101.244**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**22.156.060**	**21.101.244**
- Cổ phiếu phổ thông	22.156.060	21.101.244
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	**1.010**	**1.010**
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**22.155.050**	**21.100.234**
- Cổ phiếu phổ thông	22.155.050	21.100.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
+ USD	5.179,69	203.495,69
+ EUR	194,87	205,79

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.071.875.813.356	1.110.978.346.446
Cộng	**1.071.875.813.356**	**1.110.978.346.446**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	11.066.073	3.424.200
Hàng bán bị trả lại	23.574.742	215.884.399
Giảm giá hàng bán	716.127.480	114.975.000
Cộng	**750.768.295**	**334.283.599**

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.071.125.045.061	1.110.644.062.847
Cộng	**1.071.125.045.061**	**1.110.644.062.847**

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	969.879.977.728	1.014.712.530.647
Cộng	**969.879.977.728**	**1.014.712.530.647**

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	734.979.307	1.307.273.004
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	3.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.617.984.824	1.595.792.229
Cộng	**3.352.964.131**	**5.903.065.233**

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	39.320.953.678	37.891.153.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.081.826.488	1.263.832.393
Cộng	**41.402.780.166**	**39.154.985.506**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
a)	**Chi phí bán hàng**	**20.832.432.887**	**12.429.255.610**
	Chi phí nhân viên	5.582.564.333	5.899.223.293
	Chi phí hoa hồng	7.309.989.710	329.210.319
	Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	6.136.219.016	3.446.920.284
	Các khoản chi phí bán hàng khác	1.803.659.828	2.753.901.714
b)	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**19.304.998.352**	**19.191.333.443**
	Chi phí nhân viên quản lý	13.035.455.730	12.597.327.782
	Chi phí khấu hao	321.081.099	312.291.239
	Các khoản chi phí quản lý khác	5.948.461.523	6.281.714.422

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản	721.898.394	903.087.563
Thu nhập khác	461.881.985	212.469.721
Cộng	**1.183.780.379**	**1.115.557.284**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	482.404.964	804.828.551
Chi phí khác	45.405.538	13.944.676
Cộng	**527.810.502**	**818.773.227**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.713.789.936	31.355.806.931
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.926.796.629	1.444.826.270
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.221.075.545	1.444.826.270
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất	705.721.084	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	25.640.586.565	32.800.633.201
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	2.183.025.174	6.496.081.081
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	23.457.561.391	26.304.552.120
Trong đó: Lợi nhuận tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	15.228.836.227	7.134.758.075
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**5.018.966.054**	**6.235.322.586**

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.694.823.882	25.120.484.345
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(934.741.194)	(1.256.024.217)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	934.741.194	1.256.024.217
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.760.082.688	23.864.460.128
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	22.155.050	22.155.050
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	**802**	**1.077**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 28/12/2019, Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 2% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích thù lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

(**) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	903.804.938.054	888.982.289.498
Chi phí nhân công	83.242.142.883	98.246.517.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.051.466.520	16.970.594.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.190.458.674	15.224.643.120
Chi phí khác bằng tiền	18.196.312.025	13.259.992.304
Cộng	**1.056.485.318.156**	**1.032.684.037.276**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, như sau:

	Năm nay
	VND
Tăng Vốn cổ phần - Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.548.160.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.608.034.164	2.949.181.293

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ	492.743.675
		Chi khác	26.815.500

Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán	(56.601.145)
		Phải thu khách hàng	698.898.078
		Phải trả khác	(4.000.000.000)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Xuất khẩu	270.187.356.136	277.277.868.067
Trong nước	800.937.688.925	833.366.194.780
Cộng	**1.071.125.045.061**	**1.110.644.062.847**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính : VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	**560.046.508.115**	**81.477.607.504**	**641.524.115.619**
Vay và nợ thuê tài chính	441.300.299.828	69.622.832.504	510.923.132.332
Phải trả cho người bán	112.614.355.804	-	112.614.355.804
Chi phí phải trả	43.956.008	-	43.956.008
Các khoản phải trả khác	6.087.896.475	11.854.775.000	17.942.671.475
Số đầu năm	**509.072.575.743**	**120.690.747.599**	**629.763.323.342**
Vay và nợ thuê tài chính	413.108.400.551	89.805.665.099	502.914.065.650
Phải trả cho người bán	93.501.928.947	19.030.307.500	112.532.236.447
Chi phí phải trả	99.234.019	-	99.234.019
Các khoản phải trả khác	2.363.012.226	11.854.775.000	14.217.787.226

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Bích Như	Từ Thanh Phụng
Ngày 7 tháng 12 năm 2020	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302047389 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
Q.TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH

PHẠM THỊ MINH NGUYỆT